

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
50 Hùng Vương, Phường 9, TP Đà  
Lạt, Tỉnh Lâm Đồng  
MSDN:5800000174

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ

Đà Lạt, ngày 22 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng ngày 22/4/2024

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“ĐHĐCĐ”) tổ chức vào lúc 13g30 ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Văn phòng Công ty số 50 đường Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Tính đến 14g00 tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền là 28 cổ đông, đại diện sở hữu cho 77.804.000 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 98,73% % cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Phê chuẩn các nội dung được Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ 2024 như sau:

- 1. Tờ trình số 1:** Thông qua Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán.
- 2. Tờ trình số 2:** Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2023- Kế hoạch hoạt động năm 2024.
- 3. Tờ trình số 3:** Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2023.
- 4. Tờ trình số 4:** Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2023.
- 5. Tờ trình số 5:** Về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023
- 6. Tờ trình số 6:** Kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự kiến mức cổ tức năm 2024
- 7. Tờ trình số 7:** Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

**8. Tờ trình số 8:** Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023

**9. Tờ trình số 9:** Báo cáo quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương trưởng Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương trưởng Ban Kiểm soát năm 2024.

**10. Tờ trình số 10:** Xin thoái vốn tại các công ty liên kết: Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh và Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng.

**Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 22/4/2024.

**Điều 3.** Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhất trí giao cho Hội đồng quản trị tổ chức điều hành thành công các nội dung ghi trong Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI** *mm*



**PHAN ĐÌNH TÂN**

Đà Lạt, Ngày 22 tháng 4 năm 2024

## BIÊN BẢN HỌP

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG - MÃ CK: LDW

Vào lúc 14giờ00 phút ngày 22 tháng 04 năm 2024, tại Hội trường Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, 50 Hùng Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Đại hội”) được tiến hành với nội dung chi tiết như sau:

#### I. Khai mạc Đại hội:

##### 1. Phần nghi thức khai mạc gồm có: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

Thành phần tham dự bao gồm toàn thể cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“Công ty”).

##### 2. Giới thiệu Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

TT	Họ tên	Đơn vị	Chức danh
1	Phạm Huy Lân	P. Phòng Tổ chức hành chính	Trưởng ban
2	Trần Thị Diệu Như	Phòng Tổ chức hành chính	Thành viên
3	Trần Thảo Vi	Phòng Tổ chức hành chính	Thành viên
4	Trần Thị Trinh	Phòng Kế hoạch-Kinh doanh	Thành viên
5	Nguyễn Thị Phi Bảo Châu	Phòng Kế hoạch-Kinh doanh	Thành viên

##### 3. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - lần thứ nhất:

Ông Phạm Huy Lân, Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự đến thời điểm 14 giờ 00 phút là 28 cổ đông, với 77.804.000 cổ phần có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp đạt tỷ lệ 98,73% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty. Như vậy, Đại hội đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

#### II. Nội Dung:

##### 1. Thông qua Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội

Sau khi nghe đọc toàn văn Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội, Đại hội biểu quyết tán thành với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.804.000	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.804.000 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp chấp thuận, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã tán thành Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

## 2. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự:

### 2.1 Chủ tọa đại hội

Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Chủ tọa đại hội và những người hỗ trợ như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	<b>Phan Đình Tân</b>	Chủ tịch HĐQT Công ty, Chủ tọa Đại hội
2	<b>Nguyễn Thị Mỹ Vân</b>	Trưởng Ban kiểm soát Công ty
3	<b>Nguyễn Hùng Cường</b>	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Kết quả biểu quyết

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.804.000	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.804.000 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp chấp thuận, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã tán thành Chủ tọa đại hội và những người hỗ trợ.

### 2.2 Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu

- Thư ký đại hội (gồm 02 người):

STT	Họ và tên	Đơn vị
1	<b>Nguyễn Phi Hoàng</b>	Thư ký công ty
2	<b>Trần Thị Tuyết Ngọc</b>	Phòng Tài chính Kế toán

- Ban Kiểm phiếu (gồm 05 người):

TT	Họ tên	Đơn vị	Chức danh
1	Nguyễn Thị Vân	Đội trưởng Đội ghi thu	Trưởng ban
2	Phạm Văn Huy	Phòng Kỹ thuật	Thành viên
3	Trần Trung Kiên	Phòng Kỹ thuật	Thành viên
4	Nguyễn Kiều Hương	Xí nghiệp Xây Lắp CTN	Thành viên
5	Tôn Nữ Lê Hoàng Vy	Phòng Kỹ thuật	Thành viên

Kết quả biểu quyết:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.804.000	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.804.000 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp chấp thuận, đạt tỷ lệ 100%, Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu đại hội.

### 3. Thông qua chương trình Đại hội

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Chương trình Đại hội với kết quả biểu quyết như sau:

Ý kiến biểu quyết	Tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp	Tỷ lệ (%) của tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp/ tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp
Tán thành	77.804.000	100%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với 77.804.000 cổ phần của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp chấp thuận, đạt tỷ lệ 100%, toàn thể Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội.

### 4. Thông qua các nội dung trình:

#### 4.1 Trình Tờ trình 01

Người thực hiện: Ông Nguyễn Hùng Cường

Nội dung: Báo cáo tài chính 2023 đã được kiểm toán; gồm các nội dung chính như sau:

*nhw*  
3

- Kính thưa quý cổ đông: Báo cáo tài chính năm 2023 được công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế ICPA (là đơn vị được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán) và có ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 08/03/2024, có 37 trang bao gồm: báo cáo của Ban Tổng giám đốc (từ trang 1 đến trang 2), Báo cáo kiểm toán độc lập (trang 3), bảng cân đối kế toán tổng hợp (từ trang 4 đến trang 6), báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (trang 7), báo cáo luân chuyển tiền tệ tổng hợp (trang 8) và thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (từ trang 9 đến trang 37) Báo cáo này đã được công bố thông tin ngay sau khi được xác nhận chính thức; các chỉ tiêu chính đạt được trong năm 2023:

đvt: VNĐ

Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền
<b>A</b>	<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>788.000.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>932.253.065.030</b>
<b>III</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.176.497.019.502</b>
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>648.388.717.645</b>
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	38.871.824.358
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	555.000.000.000
	- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	46.493.335.806
	- Hàng tồn kho	8.003.723.481
	- Tài sản ngắn hạn khác	19.834.000
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>528.108.301.857</b>
<b>Stt</b>	<b>Chỉ Tiêu</b>	<b>Số Tiền</b>
	- Các khoản phải thu dài hạn	0
	- Tài sản cố định	446.366.670.936
	- Tài sản dở dang dài hạn	1.476.219.649
	- Đầu tư tài chính dài hạn	63.345.252.238
	- Tài sản dài hạn khác	16.920.159.034
<b>B</b>	<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	297.054.246.958
2	Giá vốn hàng bán	219.312.705.668
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.741.541.290
4	Doanh thu hoạt động tài chính	55.466.965.061
5	Chi phí tài chính	13.900.569.390
6	Chi phí bán hàng	4.095.153.325
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.633.568.803
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	98.579.214.833
9	Thu nhập khác	1.865.311.076
10	Chi phí khác	1.561.022.819
11	Lợi nhuận khác	304.288.257
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	98.883.503.090
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.055.159.621
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(227.809.962)
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	79.056.153.431

Đvt: VNĐ

#### 4.2 Trình Tờ trình số 02

Người thực hiện: Ông Phan Đình Tân

Nội dung: Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và Kế hoạch hoạt động của năm 2024 gồm các nội dung sau:

- Một số chỉ tiêu chính năm 2023 đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu tổng	đồng	330.642	354.386	107,18%
2	Doanh thu SX chính	đồng	256.084	269.481	105,23%
3	Tỷ lệ thất thoát	%	19	18	
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	73.856	98.883	133,89%
7	Cổ tức	%	3,95	5,1	129,1%

- Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2024

+ Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024 vào ngày 22/4/2024 tại Đà Lạt

+ Tổ chức thực hiện thắng lợi Kế hoạch sản xuất-kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu cụ thể như sau (chi tiết xem tờ trình số 6/2024):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
1	Doanh thu tổng	đồng	355.302.000.000	
2	Doanh thu SX chính	đồng	282.955.000.000	
3	Tỷ lệ thất thoát	%	18	
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	85.722.000.000	
5	Cổ tức	%	≥4,35%	

\* Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nước ở nhiều địa phương thuộc vùng cấp nước LAWACO được phân công.

\* Thoái vốn hiện có tại các công ty liên kết để tập trung nguồn vốn nhằm đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước tại các khu vực LAWACO đang phục vụ cấp nước.

+ Tiếp tục thực hiện tái sắp xếp theo hướng tinh gọn phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh đa dạng hướng đến một Công ty đa ngành nghề, chuyên nghiệp; mở rộng thị trường ra ngoài tỉnh và khu vực.

+ Phát huy hiệu quả chương trình chống thất thoát hoàn thiện Phương án chống thất thoát, thất thu để có giải pháp toàn diện, triệt để hơn để đạt được hiệu quả chống thất thoát, thất thu.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất- kinh doanh nhằm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ("ROE") của LAWACO.

+ Từng bước áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của LAWACO, xây dựng lộ trình chuyển đổi hợp lý để tiếp cận thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, giảm thiểu tối đa chi phí vận hành, duy trì được yếu tố lợi thế cạnh tranh của LAWACO.

#### 4.3 Trình tờ trình số 3 và 4

Người thực hiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nội dung: Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2023 với một số nội dung chính như sau:

- Giám sát, kiểm tra hàng quý các hoạt động của Công ty, việc triển khai thực hiện theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA, BKS luôn duy trì kênh thông tin hiệu quả với kiểm toán độc lập để đảm bảo giám sát được chất lượng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cũng như cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: VNĐ

ST T	Chi tiêu	Thực hiện	Thực hiện	Tỷ lệ % 2023/2022
		Năm 2023	Năm 2022	
1	Tổng tài sản, trong đó:	1 176 497 019 502	1 173 257 848 105	100.28%
	+ Tài sản ngắn hạn	648 388 717 645	639 976 541 359	101.31%
	+ Tài sản dài hạn	528 108 301 857	533 281 306 747	99.03%
2	Nguồn vốn	1 176 497 019 502	1 173 257 848 105	100.28%
	+ Nợ phải trả	244 243 954 472	271 888 013 311	89.83%
	+ Vốn chủ sở hữu	932 253 065 030	901 369 834 794	103.43%
3	Vốn điều lệ	788 000 000 000	788 000 000 000	100.00%
4	Tổng doanh thu	354 386 523 095	320 212 860 539	110.67%
5	Tổng chi phí	255 503 020 005	249 278 700 375	102.50%
6	Lợi nhuận trước thuế	98 883 503 090	70 934 160 164	139.40%
7	Lợi nhuận sau thuế	79 056 153 431	56 674 027 288	139.49%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL (%)	10.03%	7.19%	139.53%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	986	486	202.88%

Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Biến động
Tỷ suất LN thuần HĐKD/DTT	33.2%	25.7%	7.5%
Tỷ suất GVHB/DTT	73.8%	76.6%	-2.8%
Tỷ suất Chi phí lãi vay/DTT	4.7%	5.5%	-0.8%
Tỷ suất CPBH/DTT	1.4%	1.8%	-0.4%
Tỷ suất CPQLDN/DTT	5.6%	5.5%	0.1%
Tỷ suất LNST/DTT	26.6%	20.4%	6.2%
Tỷ suất LNST/Vốn CSH ROE	8.6%	6.3%	2.3%
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản ROA	6.7%	4.8%	1.9%



TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Biến động
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	44.89%	45.45%	-0.56%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	55.11%	54.55%	0.56%
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	20.76%	23.17%	-2.41%
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	79.24%	76.83%	2.41%
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	26.20%	30.16%	-3.96%
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	Khả năng thanh toán nhanh [(Tiền và tương đương tiền + Đầu tư tài chính ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn]	9.98	9.85	0.13
	Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	10.90	9.96	93.45%

- Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý của Lawaco trong năm 2023, BKS chưa thấy có dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành.

- Giám sát đối với BDH đã thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết và quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong BDH để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Nhất trí với báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính trong năm 2023 đã được kiểm toán

So sánh kết quả thực hiện với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, Công ty đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu chính được giao

- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH, các cán bộ quản lý và cổ đông:

+ Trong năm 2023, giữa BKS với HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý đã cơ bản duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Lawaco. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và BDH được thực hiện phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HĐQT đã kết hợp với BKS kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty để đóng góp ý kiến với BDH nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề

ra. Các thành viên BKS đều được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, thông qua đó BKS có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HĐQT, BDH với tư cách là giám sát và đại diện cổ đông.

+ Đối với cổ đông: BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Lawaco

#### **4.4 Trình Tờ trình số 05**

Nội dung: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Người thực hiện: Ông Nguyễn Văn Dũng

Năm 2023 hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được như sau:

1. Tổng doanh thu: 354.386.000.000 đồng
2. Doanh thu sản xuất chính: 269.481.000.000 đồng
3. Tỷ lệ thất thoát: 18%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế: 98.883.000.000 đồng
5. Cổ tức: 5,1% (510 đồng/cổ phần)

Tổng quỹ lương được thực hiện theo phụ lục số:05/1 đính kèm.

(Chi tiết được đính kèm tại phụ lục số:5/1 /PL-ĐHĐCĐ-2024)

#### **4.5 Trình Tờ trình số 06**

Nội dung: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 và dự kiến mức cổ tức năm 2024

Người thực hiện: Ông Nguyễn Hùng Cường

Gồm các chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng doanh thu: 355.302.000.000 đồng
2. Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh: 311.263.000.000 đồng
3. Tỷ lệ thất thoát: 18%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế: 85.722.000.000 đồng
5. Cổ tức:  $\geq 4,35\%$  ( $\geq 435$  đồng/cổ phần)

- Tổng quỹ lương được thực hiện theo phụ lục số: 05/1 đính kèm (nguồn lương thực hiện được quyết toán thực tế trong năm 2024).

- Kế hoạch đầu tư XD CB xem phụ lục 06/2 đính kèm.

#### **4.6 Trình Tờ trình số 07**

Người thực hiện: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân

Nội dung: Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024

Giới thiệu danh sách Công ty Kiểm toán và Kiểm toán viên được chấp thuận cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2024, gồm 03 công ty sau:

a. Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC. Địa chỉ: Số 01, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

b. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Địa chỉ: Tầng 15 Tòa Nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.

c. Công ty TNHH Kiểm toán VACO – CN TP.HCM. Địa chỉ: Lầu 11, Tòa nhà HUD Building, Số 159 Điện Biên Phủ, P15, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.

#### 4.7 Trình tờ trình số 08

Nội dung: Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023.

Người thực hiện: Ông Đỗ Văn Hạ

1. Phân phối lợi nhuận năm 2023:

Đvt: đồng

Stt	Nội Dung	Số Tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (LNST)	79.056.153.431
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023	79.056.153.431
	Trong đó:	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển	15.811.230.686
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.730.392.751
	+ Quỹ khen thưởng (90%)	18.657.353.476
	+ Quỹ phúc lợi (10%)	2.073.039.275
2.3	Thù lao HĐQT và thành viên BKS	1.377.600.000
2.4	Trích thưởng HĐQT, BKS (TB+TV) và BDH	948.929.994
	+ Thưởng HĐQT, BKS (TB+TV)	494.646.661
	+ Thưởng BDH	454.283.333
2.5	Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức (2)-(2.1)-(2.2)-(2.3)-(2.4)	40.188.000.000
3	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%)=(2.5)/VĐL	5,10

(chi tiết xem phụ lục 8 đính kèm)

2. Đề xuất mức chi trả cổ tức, thời điểm và hình thức chia cổ tức năm 2023

- Đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2023: 5,10% vốn điều lệ

- Thời gian chi trả cổ tức: Dự kiến trong tháng 07 năm 2024.

- Thực hiện việc chia cổ tức năm 2023 bằng tiền.

#### 4.8 Trình tờ trình số 09

Nội dung: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2024

Người thực hiện: Ông Nguyễn Văn Dũng

Stt	Chỉ Tiêu	Số	Năm 2023	Kế hoạch	So sánh
-----	----------	----	----------	----------	---------

*nhv*  
9

		người	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH/KH (%)	2024	KH 2024/TH 2023
<b>I.</b>	<b>TIỀN THÙ LAO</b>		1 377 600 000	1 377 600 000	100.00	1 377 600 000	100.00
1	Hội Đồng Quản Trị		1 152 000 000	1 152 000 000	100.00	1 152 000 000	100.00
	+ Chủ tịch	1	480 000 000	480 000 000	100.00	480 000 000	100.00
	+ Thành viên	4	672 000 000	672 000 000	100.00	672 000 000	100.00
2	Thành viên Ban Kiểm Soát	2	225 600 000	225 600 000	100.00	225 600 000	100.00
<b>II.</b>	<b>TIỀN LƯƠNG</b>		480 000 000	480 000 000	100.00	480 000 000	100.00
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	480 000 000	480 000 000	100.00	480 000 000	100.00
	<b>Tổng (I)+(II)</b>		<b>1 857 600 000</b>	<b>1 857 600 000</b>	<b>100.00</b>	<b>1 857 600 000</b>	<b>100.00</b>

#### 4.9 Trình tờ trình số 10

Nội dung: xin thoái vốn đầu tư tại hai công ty liên kết là Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Di linh (“DILIWACO”) và Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng (“DUCTRONGWACO”).

Người thực hiện: Ông Trần Quốc Hùng

Lý do: Dự báo giá trị cổ phiếu các công ty này sẽ giảm sâu và khó phục hồi do cổ tức của các công ty này sẽ giảm khi đầu tư các dự án ( xem Tờ trình đính kèm)

Mục đích: Tận dụng vốn thu hồi từ việc thoái vốn tại hai công ty trên kết hợp với vốn lưu động sẵn có để đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước giải quyết tình trạng thiếu nước ở nhiều địa phương thuộc vùng cấp nước LAWACO tại thành phố Đà Lạt, huyện Đạ Huoai, Huyện Bảo Lâm...

#### **III. CÁC NỘI DUNG KHÁC**

A. Đại hội Thảo luận ý kiến và giải trình:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng - thành viên HĐQT người được SCIC ủy quyền:

1.1 Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

1.2 Thống nhất thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 theo đề xuất của HĐQT Công ty với các chỉ tiêu cơ bản sau:

- Tổng doanh thu: 355.302 triệu đồng
- Doanh thu sản xuất công nghiệp: 311.263 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 85.722 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 68.577 triệu đồng
- Tỷ lệ cổ tức: 4,35%/ VĐL

1.3 Đối với kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Thống nhất thông qua kế hoạch đầu tư và sửa chữa lớn năm 2024. Đề nghị HĐQT công ty xem xét, chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 theo đúng phân cấp thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Không thống nhất thông qua kế hoạch đầu tư dự án lắp đặt tuyến ống chuyển tải D600 từ Nhà máy nước Đan Kia Suối Vàng lên bể chứa Tùng Lâm và xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin với tổng mức đầu tư là 134 tỷ đồng do chưa có đủ cơ sở pháp lý, cụ thể:

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được đơn vị tư vấn lập chưa hoàn thiện, một số thông tin và số liệu liên quan đến dự án trong báo cáo nghiên cứu khả thi chưa chính xác. Đồng thời chưa có kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật về đầu tư đảm bảo đủ căn cứ để các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt dự án, quyết định đầu tư.

+ Công ty chưa có báo cáo đánh giá chi tiết về việc phù hợp của dự án với định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050 và quy hoạch cấp nước đô thị tỉnh Lâm đồng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

Vì vậy đề nghị HĐQT:

- Chỉ đạo Ban điều hành rà soát báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án lắp đặt chuyên ống chuyển tải D600 từ Nhà máy nước Đan Kia Suối Vàng lên bể chứa Tùng Lâm và xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin do đơn vị tư vấn lập nhằm đảm bảo tính pháp lý và chính xác về thông tin, số liệu liên quan đến dự án. Đồng thời, thực hiện các thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư; làm căn cứ cho việc xem xét, phê duyệt dự án, quyết định đầu tư theo đúng phân cấp thẩm quyền.

- Việc đầu tư dự án phải phù hợp với định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050; quy hoạch cấp nước đô thị tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo phát triển hệ thống cấp nước đô thị một cách ổn định và bền vững.

- Việc xem xét, quyết định đầu tư đối với dự án này theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

1.4 Thống nhất thông qua mức chi trả thù lao năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024 của HĐQT, Ban Kiểm soát và tiền lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách theo đề xuất của HĐQT công ty.

1.5 Thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023 theo đề xuất của HĐQT Công ty.

1.6 Không thống nhất thông qua việc thoái vốn đầu tư của Công ty tại các công ty liên kết: Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Di linh và Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng do không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ hiện hành của Công ty và quy định tại Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020.

2. Ông Phan Đình Tân Chủ tịch HĐQT:

2.1 Về đầu tư dự án lắp đặt tuyến ống chuyển tải D600 từ Nhà máy nước Đan Kia Suối Vàng lên bể chứa Tùng Lâm và xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin

Qua thời gian hoạt động vận hành hơn 40 năm, nhà máy nước Đan Kia 1 (là nhà máy sản xuất nước của Công ty) với nhiều thiết bị và công trình đang có dấu hiệu xuống cấp, nhiều trường hợp phải ngưng sản xuất để khắc phục sự cố. Tuyến ống truyền tải thép D600 với số vụ bể vỡ ngày càng gia tăng, do là tuyến ống truyền tải duy nhất nên là yếu tố dễ xảy ra mất an toàn cấp nước vì vậy cần phải có giải pháp nâng cấp phù hợp để đảm bảo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Từ năm 2018 công suất dự phòng của Nhà máy nước Đan Kia 1 gần như bằng không (quy định công suất này phải  $\geq 20\%$ ), vì vậy các dịp lễ tết thường xảy ra thiếu hụt nước.

Bắt đầu từ năm 2019, Công ty đã lập kế hoạch cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt trong đó chú trọng cải tạo nâng cấp nhà máy nước Đan Kia 1, Công ty đã có nhiều báo cáo, tờ trình gửi UBND tỉnh cũng như các sở, ban, ngành để xem xét đầu tư cải tạo và đã được các sở, ban, ngành tổ chức nhiều cuộc họp thảo luận xem xét kiến nghị cho phép Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng cải tạo nâng cấp nhà máy nước Đan Kia 1.

Tại các Đại hội đồng cổ đông năm 2019, 2020 HĐQT đã trình chủ trương nâng cấp hệ thống này (thay bằng đường ống D800, dài 7.200 m từ nhà máy nước Đan Kia 1 về bể Tùng Lâm) và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2019 và Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/6/2020). Tuy nhiên do thỏa thuận được với công ty CP Cấp nước Tuyên Lâm về việc mua nước của Công ty này nên tạm dừng thực hiện.

Năm 2023, sau khi buộc phải thanh lý Hợp đồng mua bán nước sạch với Công ty CP Cấp nước Tuyên Lâm do Công ty này yêu cầu tăng giá quá cao, Công ty đã tiến hành lập hồ sơ xin phép nâng công suất khai thác nước mặt tại hồ Đan Kia lên  $30.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  và đã được UBND tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy phép (Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 76/GP-UBND ngày 04/10/2023).

Nhu cầu sử dụng nước khu vực Đà Lạt và Lạc Dương ngày càng tăng cao (hơn 5%/năm) nên tình trạng thiếu nước ngày càng trầm trọng; đặc biệt, trong dịp Tết Nguyên đán năm Giáp Thìn 2024 vừa qua đã xảy ra tình trạng thiếu nước cục bộ kéo dài trên mạng lưới cấp nước thành phố Đà Lạt và một phần huyện Lạc Dương (thị trấn Lạc Dương) phải tiến hành cấp nước luân phiên mặc dù các nhà máy đã vận hành hết công suất.

Ban điều hành công ty đã nhiều lần tích cực thương lượng với Công ty CP Cấp nước Tuyên Lâm nhưng bất thành, chúng tôi đã thống nhất chương trình giải quyết vấn đề này như sau:

a) Ưu tiên thương lượng với Công ty CP Cấp nước Tuyên Lâm để ký lại hợp đồng mua nước với giá mua do UBND tỉnh quy định;

b) Nếu không thực hiện được sẽ đàm phán để mua lại nhà máy và vùng cấp nước của Công ty này;

c) Nếu không thực hiện được a và b chúng tôi sẽ thực hiện việc thuê nhà máy để sản xuất;

d) Nếu cả 3 phương án nêu trên không thực hiện được sẽ gấp rút đầu tư dự án lắp đặt tuyến ống chuyển tải D600 từ Nhà máy nước Đan Kia Suối Vàng lên bể chứa Tùng

Lâm và xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin vì vậy Công ty đã chủ động xây dựng lại dự án đầu tư lắp đặt tuyến ống chuyên tải D600 (không phải D800 vì tính hiệu quả về mặt kinh tế và dễ thực hiện về mặt kỹ thuật) từ Nhà máy nước Đan Kia Suối Vàng lên bể chứa Tùng Lâm và xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin; đường ống này song song vận hành cùng đường ống hiện có; dự án sau khi hoàn thành sẽ tăng mức an toàn cấp nước cho hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt và một phần huyện Lạc Dương (thị trấn Lạc Dương và Xã Lát) đồng thời đáp ứng khả năng truyền tải lưu lượng nước khi nhà máy nước Đan Kia 1 nâng công suất và làm nhiệm vụ thay thế tuyến ống D600 hiện hữu trong các trường hợp có sự cố; đến tháng 4 năm 2024 Công ty đã được UBND tỉnh Lâm Đồng chỉ đạo tại Văn bản số: 2614/UBND-TL ngày 04/04/2024 và Công ty tiếp tục triển khai Kế hoạch số 10045/KH-UBND nghiên cứu lập kế hoạch đầu tư công trình cấp nước phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư của nhà nước;

Tuy nhiên để thực hiện được việc thẩm định Dự án cần phải có chủ trương đầu tư của chủ đầu tư (được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông) thì mới đủ điều kiện để nộp hồ sơ trình Sở Xây dựng thẩm định Dự án.

Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với ý kiến của Ông Nguyễn Văn Dũng về việc cần phải rà soát thật kỹ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư Dự án lắp đặt tuyến ống chuyên tải D600 từ Nhà máy nước Đan Kia Suối Vàng lên bể chứa Tùng Lâm và xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin nhằm:

- Đảm bảo tính pháp lý và chính xác về thông tin, số liệu liên quan;
- Việc thực hiện các thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng phải tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư và xây dựng;
- Dự án đầu tư phải phù hợp với định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2050; quy hoạch cấp nước đô thị tỉnh Lâm Đồng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo phát triển hệ thống cấp nước đô thị một cách ổn định và bền vững.

Vì vậy rất mong quý vị cổ đông chấp thuận ghi nhận dự án đầu tư này trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024.

Trong quá trình xem xét, quyết định đầu tư đối với dự án này HĐQT sẽ chỉ đạo Ban điều hành triệt để thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2.2 Về thoái vốn đầu tư của Công ty tại các công ty liên kết là Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Di linh và Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng: xét về giá trị thì tổng giá trị đầu tư tại 2 công ty này hiện nay chỉ chiếm khoảng 0,93% Tổng tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (11 tỷ/ 1.176 tỷ) kể cả khi đầu tư bổ sung do các công ty này thực hiện dự án thì cũng chỉ đạt 3,4% Tổng tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (41 tỷ/ 1.176 tỷ) và hai công ty này cũng không là thành phần trong cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát (Điều 10, điều lệ công ty) tuy nhiên khi thoái vốn, không tiếp tục liên kết với 2 công ty này là thực hiện việc tổ chức lại công ty (điểm i, Khoản 1, Điều 14 Điều lệ công ty) và thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty (điểm m, Khoản 2, Điều 14 Điều lệ công ty) hoặc tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý (điểm n, Khoản 2, Điều 14 Điều lệ công ty) hoặc Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh (điểm b, Khoản 1, điều 20 Điều lệ công ty).

Theo báo cáo của 2 công ty này việc thu hồi vốn sau khi đầu tư các dự án là khá dài (20 năm) Vì vậy chúng tôi thấy việc trình xin thoái vốn tại hai công ty liên kết này tại Đại

hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 là hợp lý và bảo đảm tính công khai, minh bạch đối với cổ đông.

Nếu được chấp thuận chúng tôi sẽ tiến hành thoái vốn theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

### **B. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - lần thứ hai:**

Ông Phạm Huy Lâm, Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự đến thời điểm 16 giờ 20 phút là 28 cổ đông, với 77.802.200 phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có tham dự và biểu quyết tại cuộc họp đạt tỷ lệ 99,73% so với tổng số phiếu có quyền biểu quyết của cổ đông Công ty. Như vậy, Đại hội đủ điều kiện để tiến hành biểu quyết các vấn đề theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

### **C. Biểu quyết các vấn đề:**

1. Trình các nội dung các vấn đề cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết tại Đại hội: Ông Phan Đình Tân trình nội dung 10 vấn đề cần được Đại hội biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết như sau:

- Báo cáo tài chính 2023 (Tờ trình số 01)
- Báo cáo của HĐQT (Tờ trình số 2)
- Báo cáo của BKS (Tờ trình số 3 và số 4)
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 (tờ trình số 05)
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (Tờ trình số 06)
- Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 (Tờ trình số 07)
- Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023 (Tờ trình số 08)
- Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2024 (Tờ trình số 09)
- Thoái vốn tại các công ty liên kết (Tờ trình số 10)

Như vậy là có 10 nội dung cần có biểu quyết của ĐHCĐ, chúng tôi xin ý kiến của Đại hội về các nội dung trên.

#### **2. Ý kiến khác:**

- Ông Nguyễn Hùng Cường Người đại diện phần vốn của SCIC: Tôi thống nhất với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 tuy nhiên không thống nhất thông qua kế hoạch đầu tư dự án lắp đặt tuyến ống chuyên tải D600 từ Nhà máy nước Đan Kia Suối Vàng lên bể chứa Tùng Lâm và xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin với tổng mức đầu tư là 134 tỷ đồng do chưa có đủ cơ sở pháp lý.

- Ông Phan Đình Tân: ghi nhận ý kiến Ông Nguyễn Hùng Cường, chúng tôi xin ý kiến của các cổ đông, đại diện cổ đông khác.

Không có ý kiến nào khác ông Phan Đình Tân điều hành Đại hội biểu quyết bằng thẻ Biểu quyết đối với số lượng nội dung cần biểu quyết trên.

Kết quả biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết thông qua số lượng 10 nội dung các vấn đề cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết như sau:



Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.797.000	99,99%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với số lượng phiếu biểu quyết tán thành là : 28 phiếu, chiếm tỷ lệ 99,99% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đã thống nhất tán thành số lượng 10 nội dung cần biểu quyết bằng phiếu biểu quyết nêu trên

## 2. Kết quả biểu quyết các nội dung (Thu hồi Phiếu biểu quyết các tờ trình)

Cổ đông có mặt tại Đại hội tại thời điểm biểu quyết là: 28 cổ đông, có 77.797.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ biên bản kiểm phiếu biểu quyết của ban kiểm phiếu, kết quả như sau:

Tờ trình	Loại phiếu	Số cổ phần	Tỷ lệ
Số 1	Tán thành	77.794.500	99,99%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	2.500	0,003%
	Không hợp lệ		
Số 2	Tán thành	77.794.500	99,99%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	2.500	0,003%
	Không hợp lệ	0	0
Số 3	Tán thành	77.794.500	99,99%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	2.500	0,003%
	Không hợp lệ	0	0
Số 4	Tán thành	77.794.500	99,99%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	2.500	0,003%
	Không hợp lệ	0	0
Số 5	Tán thành	77.797.000	99,99%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	0	0
	Không hợp lệ	0	0
Số 6	Tán thành	77.794.500	99,99%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	2.500	0,003%
	Không hợp lệ	0	0
Số 7	Tán thành	77.794.500	99,99%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	2.500	0,003%
	Không hợp lệ	0	0
Số 8	Tán thành	77.794.500	99,99%
	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	2.500	0,003%
	Không hợp lệ	0	0
Số 9	Tán thành	77.794.500	99,99%

	Không tán thành	0	0
	Không có ý kiến	2.500	0,003%
	Không hợp lệ	0	0
<b>Số 10</b>	Tán thành	46.717.053	60,04%
	Không tán thành	31.062.647	39,92%
	Không có ý kiến	17.300	0,022%
	Không hợp lệ	0	0

Với kết quả như trên thì tất cả nội dung các vấn đề trình đã được Đại hội thông qua

10. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội:

Nghị quyết Đại hội đã được Đại hội thông qua bằng Thẻ biểu quyết với kết quả như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ % biểu quyết trên tổng số cổ phần của tất cả cổ đông dự họp
Tán thành	77.797.000	99,99%
Không tán thành	0	0
Không có ý kiến	0	0

Với số Thẻ biểu quyết đồng ý là : 28 thẻ, có 77.797.000 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm tỷ lệ 99,99% quyền biểu quyết trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp.

Đại hội đã thống nhất thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Biên bản này được lập lúc 17giờ10 ngày 22 tháng 04 năm 2024 được đọc và được cổ đông tán thành với số Thẻ biểu quyết là : 28 thẻ, có 77.797.000 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành..

Đại hội kết thúc lúc giờ 17giờ 10 cùng ngày./.

**Thư ký Đại hội**

  
Nguyễn Phi Hoàng

  
Trần Thị Tuyết Ngọc

**Chủ tọa Đại hội**

  
  
Phan Đình Tân



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,

thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 4 năm 2024

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 01

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thương niên 2024 xem xét và thông qua: Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán Quốc Tế iCPA kiểm toán theo đúng các quy định hiện hành với các nội dung như sau:

Đvt: VNĐ

Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền
<b>A</b>	<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	
<b>I</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>788.000.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>932.253.065.030</b>
<b>III</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.176.497.019.502</b>
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>648.388.717.645</b>
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	38.871.824.358
	- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	555.000.000.000
	- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	46.493.335.806
	- Hàng tồn kho	8.003.723.481
	- Tài sản ngắn hạn khác	19.834.000
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>528.108.301.857</b>
	- Các khoản phải thu dài hạn	0
	- Tài sản cố định	446.366.670.936
	- Tài sản dở dang dài hạn	1.476.219.649
	- Đầu tư tài chính dài hạn	63.345.252.238
	- Tài sản dài hạn khác	16.920.159.034
<b>B</b>	<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	297.054.246.958
2	Giá vốn hàng bán	219.312.705.668



Stt	Chỉ Tiêu	Số Tiền
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.741.541.290
4	Doanh thu hoạt động tài chính	55.466.965.061
5	Chi phí tài chính	13.900.569.390
6	Chi phí bán hàng	4.095.153.325
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.633.568.803
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	98.579.214.833
9	Thu nhập khác	1.865.311.076
10	Chi phí khác	1.561.022.819
11	Lợi nhuận khác	304.288.257
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	98.883.503.090
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.055.159.621
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(227.809.962)
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	79.056.153.431

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo tài chính.

(Chi tiết xem tại báo cáo tài chính)

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phan Đình Tân**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 37

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)
Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)
Bà Vy Thị Bé	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2023)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Hùng Cường**  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 08 tháng 3 năm 2024



Số: 1815/2024/BCKT-ICPA.SG

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2024, từ trang 4 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



**Lương Xuân Trường**  
Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1741-2023-072-1

**Trần Thị Xuân Tươi**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>648.388.717.645</b>	<b>639.976.541.359</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>38.871.824.358</b>	<b>34.833.300.809</b>
1. Tiền	111	V.1	38.871.824.358	34.833.300.809
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>555.000.000.000</b>	<b>550.860.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	555.000.000.000	550.860.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>46.493.335.806</b>	<b>47.194.299.914</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.234.250.609	5.551.249.778
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.254.584.079	468.095.880
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	43.966.315.119	46.275.503.930
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3.961.814.001)	(5.104.960.760)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	4.411.086
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>8.003.723.481</b>	<b>7.043.556.760</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.103.236.647	9.379.890.344
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.099.513.166)	(2.336.333.584)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.834.000</b>	<b>45.383.876</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	19.834.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	-	45.383.876

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>528.108.301.857</b>	<b>533.281.306.746</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>330.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	-	330.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>446.366.670.936</b>	<b>473.630.911.617</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	445.025.146.054	472.217.891.079
- Nguyên giá	222		1.022.242.063.204	1.007.127.577.027
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(577.216.917.150)	(534.909.685.948)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.341.524.882	1.413.020.538
- Nguyên giá	228		2.108.591.000	2.033.591.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(767.066.118)	(620.570.462)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.476.219.649</b>	<b>748.686.373</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	1.476.219.649	748.686.373
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>63.345.252.238</b>	<b>38.675.252.238</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.125.252.238	11.125.252.238
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		52.220.000.000	27.550.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.920.159.034</b>	<b>19.896.456.518</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	10.637.879.499	12.536.949.897
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	449.615.593	221.805.631
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	5.832.663.942	7.137.700.990
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.176.497.019.502</b>	<b>1.173.257.848.105</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023		01/01/2023	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>244.243.954.472</b>		<b>271.888.013.311</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59.490.167.394</b>		<b>64.225.322.843</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	12.268.322.486		14.298.020.851	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	519.803.287		572.822.043	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.045.914.077		12.211.275.514	
4. Phải trả người lao động	314		8.277.548.161		7.967.609.873	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.518.824.938		3.745.626.460	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.384.991.000		1.421.091.406	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	22.793.678.239		22.793.678.239	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	3.681.085.206		1.215.198.457	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>184.753.787.078</b>		<b>207.662.690.468</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	478.764.717		439.862.275	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	184.275.022.361		207.068.700.585	
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-		154.127.608	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>932.253.065.030</b>		<b>901.369.834.794</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>932.253.065.030</b>		<b>901.369.834.794</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000		788.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000		788.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705		28.512.122.705	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		19.057.709.405		16.853.160.429	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.296.555.117		-	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.056.153.431		56.674.027.288	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-		-	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		79.056.153.431		56.674.027.288	
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372		11.330.524.372	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>1.176.497.019.502</b>		<b>1.173.257.848.105</b>	

  
 Trần Thị Tuyết Ngọc  
 Người lập biểu

  
 Bùi Hoàng Trường Vi  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Hùng Cường  
 Tổng Giám đốc


Ngày 08 tháng 3 năm 2024

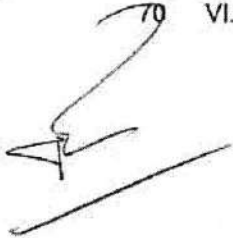
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	297.054.246.958	277.558.293.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		297.054.246.958	277.558.293.179
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	219.312.705.668	212.734.277.921
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		77.741.541.290	64.824.015.258
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	55.466.965.061	41.909.282.468
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.900.569.390	15.257.152.308
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.900.569.390	15.257.152.308
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.095.153.325	4.892.964.529
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.633.568.803	15.152.216.196
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		98.579.214.833	71.430.964.693
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.865.311.076	745.284.892
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.561.022.819	1.242.089.421
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40	VI.7	304.288.257	(496.804.529)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		98.883.503.090	70.934.160.164
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	20.055.159.621	14.481.938.507
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(227.809.962)	(221.805.631)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		79.056.153.431	56.674.027.288
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		486

  
Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểu

  
Bùi Hoàng Trường VI  
Kế toán trưởng


  
Nguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

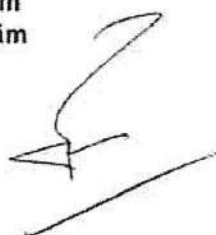
Ngày 08 tháng 3 năm 2024


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2023		2022	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	322.129.215.691		300.589.610.067	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(141.453.577.300)		(129.306.046.437)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(47.991.240.655)		(45.665.917.009)	
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(14.062.176.491)		(15.425.378.247)	
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(23.428.978.597)		(8.464.585.712)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.521.402.613		7.315.131.881	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(60.042.735.406)		(44.803.578.161)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>46.671.909.855</b>		<b>64.239.236.382</b>	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.852.186.859)		(18.496.787.652)	
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(579.670.000.000)		(313.410.000.000)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	550.860.000.000		300.844.000.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	54.608.878.777		25.223.268.395	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>9.946.691.918</b>		<b>(5.839.519.257)</b>	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.793.678.224)		(22.793.678.232)	
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.786.400.000)		(26.004.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(52.580.078.224)</b>		<b>(48.797.678.232)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>4.038.523.549</b>		<b>9.602.038.893</b>	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	34.833.300.809		25.231.261.916	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	38.871.824.358		34.833.300.809	

  
Trần Thị Tuyết Ngọc  
Người lập biểu

  
Bùi Hoàng Trường VI  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hùng Cường  
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (doanh nghiệp 100 % vốn Nhà nước), được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và được cập nhật thay đổi vào ngày 7 tháng 5 năm 2021 do đăng ký bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 367 người và 368 người.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Nhà máy nước Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đa Tễh	Khu phố 6A, huyện Đa Tễh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đa Huoai	Thị trấn Mađaguoi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Thị trấn Bằng Lũng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích (%)</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
1. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	Tỉnh Lâm Đồng	37,01%	37,01%	Khai thác, kinh doanh nước sạch
2. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	Tỉnh Lâm Đồng	32,10%	32,10%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kê ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập lại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

**Hệ thống đường ống nhánh**

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 297 đồng/m<sup>3</sup> đến ngày 27 tháng 10 năm 2023, từ ngày 28 tháng 10 năm 2023 với đơn giá 244 đồng/m<sup>3</sup> ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.

**Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác**

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay và nợ phải trả về thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính nhưng không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng với đơn giá nước áp dụng theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh cho từng thời kỳ. Đơn giá bán nước chỉ được điều chỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp băng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

**Thông tin bộ phận**

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	161.938.966	116.677.273
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.709.885.392	34.716.623.536
<b>Cộng</b>	<b>38.871.824.358</b>	<b>34.833.300.809</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt	2.272.662.365	2.004.963.755
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác		
Công trình Thủy lợi Đà Lạt	2.256.389.653	2.266.703.663
Các khoản phải thu khách hàng khác	705.198.591	1.279.582.360
<b>Cộng</b>	<b>5.234.250.609</b>	<b>5.551.249.778</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Thanh Sơn	992.314.078	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát		
Nước Lâm Đồng	206.195.000	206.195.000
Công ty TNHH Sài Gòn Kỹ Thuật	-	201.039.880
Các nhà cung cấp khác	56.075.001	60.861.000
<b>Cộng</b>	<b>1.254.584.079</b>	<b>468.095.880</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	39.721.961.425	38.521.622.933
Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	2.262.265.200	3.688.211.187
Thù lao Hội đồng Quản trị chờ quyết toán (ii)	918.080.000	1.087.600.000
Phải thu Nhà nước liên quan đến dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Đà Lạt	-	1.587.664.778
Phải thu về cổ tức được chia	-	342.252.208
Các khoản phải thu khác	1.064.008.494	1.048.152.824
	<b>43.966.315.119</b>	<b>46.275.503.930</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản ký quỹ	-	330.000.000
<b>Tổng cộng phải thu khác</b>	<b>43.966.315.119</b>	<b>46.605.503.930</b>
<b>Trong đó, số dư phải thu bên liên quan:</b>		
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	-	342.252.208

(i) Đây là khoản chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này trong các năm tài chính trước. Trong năm, Công ty đã thu hồi được số tiền 1.425.945.987 đồng (xem thêm tại *Thuyết minh VI.7*).

(ii) Đây là khoản tạm ứng thù lao năm 2023 cho Hội đồng Quản trị Công ty. Khoản thù lao này sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**5. Nợ xấu**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.699.548.801	-	(1.699.548.801)	1.416.749.573	-	(1.416.749.573)
Phải thu ngắn hạn khác	2.262.265.200	-	(2.262.265.200)	3.688.211.187	-	(3.688.211.187)
<b>Cộng</b>	<b>3.961.814.001</b>	<b>-</b>	<b>(3.961.814.001)</b>	<b>5.104.960.760</b>	<b>-</b>	<b>(5.104.960.760)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	(5.104.960.760)	(5.192.276.281)
Trích lập dự phòng trong năm	(314.286.288)	(178.294.715)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.457.433.047	265.610.236
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(3.961.814.001)</b>	<b>(5.104.960.760)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	9.508.019.133	(3.099.513.166)	8.190.514.665	(2.336.333.584)
Công cụ, dụng cụ	1.558.566.733	-	1.039.424.084	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	36.650.781	-	149.951.595	-
<b>Cộng</b>	<b>11.103.236.647</b>	<b>(3.099.513.166)</b>	<b>9.379.890.344</b>	<b>(2.336.333.584)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>(2.336.333.584)</b>	<b>(1.409.599.645)</b>
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	(1.153.239.074)	(945.218.999)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	6.781.894	18.485.060
Thanh lý hàng tồn kho trong năm	383.277.598	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(3.099.513.166)</b>	<b>(2.336.333.584)</b>

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2023	207.861.139.847	62.186.227.574	648.846.540.325	45.236.644.832	42.997.024.449	1.007.127.577.027
Mua trong năm	-	3.359.837.989	3.389.588.849	122.523.134	-	6.871.949.972
Xây dựng cơ bản hoàn thành	460.888.197	1.957.942.637	5.912.396.228	63.759.306	-	8.394.986.368
Giảm khác (i)	(67.558.079)	(55.026.378)	(28.520.488)	(1.345.218)	-	(152.450.163)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>208.254.469.965</b>	<b>67.448.981.822</b>	<b>658.120.004.914</b>	<b>45.421.582.054</b>	<b>42.997.024.449</b>	<b>1.022.242.063.204</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2023	119.724.653.537	28.913.908.359	346.214.736.337	25.710.773.013	14.345.614.702	534.909.685.948
Khấu hao trong năm	8.937.307.534	4.347.669.905	22.926.515.686	4.357.854.721	1.737.883.356	42.307.231.202
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>128.661.961.071</b>	<b>33.261.578.264</b>	<b>369.141.252.023</b>	<b>30.068.627.734</b>	<b>16.083.498.058</b>	<b>577.216.917.150</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2023	88.136.486.310	33.272.319.215	302.631.803.988	19.525.871.819	28.651.409.747	472.217.891.079
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>79.592.508.894</b>	<b>34.187.403.558</b>	<b>288.978.752.891</b>	<b>15.352.954.320</b>	<b>26.913.526.391</b>	<b>445.025.146.054</b>

(i) Nguyên giá tài sản giảm trong năm là các khoản điều chỉnh theo giá trị quyết toán của dự án Nhà máy nước Phát Chi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 28.922.396.630 đồng và 19.599.958.881 đồng.

Công ty đã sử dụng một số tài sản để bảo đảm cho các khoản vay theo hiệp định với Bộ Tài chính. Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 280.446.352.759 đồng và 297.386.974.173 đồng (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số V.19).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2023	737.591.000	1.296.000.000	2.033.591.000
Mua trong năm	-	75.000.000	75.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>737.591.000</b>	<b>1.371.000.000</b>	<b>2.108.591.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2023	194.573.751	425.996.711	620.570.462
Khấu hao trong năm	14.751.820	131.743.836	146.495.656
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>209.325.571</b>	<b>557.740.547</b>	<b>767.066.118</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2023	543.017.249	870.003.289	1.413.020.538
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>528.265.429</b>	<b>813.259.453</b>	<b>1.341.524.882</b>

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Các dự án cải tạo đường ống cấp nước	1.379.779.649	748.686.373
Các dự án khác	96.440.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.476.219.649</b>	<b>748.686.373</b>

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>748.686.373</b>	<b>7.952.760.520</b>
Chi phí đầu tư trong năm	13.112.225.463	18.756.188.228
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.394.986.368)	(22.643.874.528)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(3.088.594.859)	(2.506.711.875)
Ghi nhận vào chi phí trong năm	(901.110.960)	(809.675.972)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.476.219.649</b>	<b>748.686.373</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	555.000.000.000	555.000.000.000	550.860.000.000	550.860.000.000
<b>Dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	52.220.000.000	52.220.000.000	27.550.000.000	27.550.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>607.220.000.000</b>	<b>607.220.000.000</b>	<b>578.410.000.000</b>	<b>578.410.000.000</b>

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Hiện nay, phần lớn số tiền đang được gửi tại các ngân hàng thương mại và việc này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Công ty được hưởng mức lãi suất trong năm dao động từ 5,70% đến 11,70%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**10. Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Cổ phiếu nắm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Cổ phiếu nắm giữ	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	583.474	5.658.526.204	-	554.365	5.658.526.204	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350	5.466.726.034	-	433.350	5.466.726.034	-
<b>Cộng</b>		<b>11.125.252.238</b>	<b>-</b>		<b>11.125.252.238</b>	<b>-</b>

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh bao gồm 57.737 cổ phiếu nhận được do Công ty liên kết này chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2020 và 2023, tương đương với tổng mệnh giá 577.370.000 đồng. Theo quy định của chế độ kế toán hiện hành, Công ty không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu tài chính khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu mà chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho đến khi chuyển nhượng cổ phiếu này.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tiền cấp quyền khai thác nước	19.834.000	-
<b>b. Dài hạn</b>		
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	8.538.058.739	10.437.139.446
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.099.820.760	2.099.810.451
<b>Cộng</b>	<b>10.637.879.499</b>	<b>12.536.949.897</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.657.713.499</b>	<b>12.536.949.897</b>

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ chi phí này trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh được 5 năm.

Tình hình biến động các khoản chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>12.536.949.897</b>	<b>17.826.641.383</b>
Phát sinh trong năm	1.301.660.395	1.247.862.904
Xây dựng cơ bản hoàn thành	756.642.510	487.184.149
Phân bổ chi phí trong năm	(3.957.373.303)	(7.024.738.539)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.637.879.499</b>	<b>12.536.949.897</b>

**12. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	221.805.631
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>221.805.631</b>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	227.809.962
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>449.615.593</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để tính thuế hoãn lại 20%

Công ty ghi nhận chi phí tổn thất của hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ thanh lý hàng tồn kho. Do vậy các khoản dự phòng đã trích lập cho những hàng tồn kho này đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được loại trừ khỏi chi phí tính thuế khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp với tổng giá trị là 2.281.474.885 đồng. Công ty có thể sử dụng khoản chi phí này để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai khi Công ty thực hiện thanh lý các hàng tồn kho này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	5.832.663.942	-	7.137.700.990	-

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kì	10.762.555.952	10.762.555.952	10.576.016.035	10.576.016.035
Trung tâm Quản lý Đầu tư & Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	749.204.460	749.204.460	573.237.900	573.237.900
Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyền Lâm	-	-	767.684.000	767.684.000
Các đối tượng khác	756.562.074	756.562.074	2.381.082.916	2.381.082.916
<b>Cộng</b>	<b>12.268.322.486</b>	<b>12.268.322.486</b>	<b>14.298.020.851</b>	<b>14.298.020.851</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Hoàng Gia DL	200.343.892	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Công trình Công cộng	98.039.500	-
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	21.527.895	86.811.543
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Lâm Đồng	-	247.220.000
Các đối tượng khác	199.892.000	238.790.500
<b>Cộng</b>	<b>519.803.287</b>	<b>572.822.043</b>

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	45.383.876	45.383.876	-	-
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	1.051.131.204	7.776.041.545	8.270.704.760	556.467.989
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.870.035.823	20.057.070.803	23.428.978.597	4.498.128.029
Thuế thu nhập cá nhân	-	981.673.727	783.641.841	198.031.886
Phí bảo vệ môi trường	3.128.909.518	20.487.072.648	21.914.503.419	1.701.478.747
Thuế tài nguyên	161.198.969	1.054.793.306	1.124.184.849	91.807.426
Tiền thuế đất	-	302.527.453	302.527.453	-
Các khoản phải nộp khác	-	15.000.000	15.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.211.275.514</b>	<b>50.674.179.482</b>	<b>55.839.540.919</b>	<b>7.045.914.077</b>

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay	1.633.768.984	1.795.376.085
Chi phí bảo vệ môi trường và nước thải còn phải chi	1.885.055.954	1.660.394.900
Các khoản chi phí phải trả khác	-	289.855.475
<b>Cộng</b>	<b>3.518.824.938</b>	<b>3.745.626.460</b>

**18. Phải trả khác**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Các khoản phải trả về cổ phần hóa	817.283.299	817.283.299
Các khoản phải trả khác	567.707.701	603.808.107
<b>Cộng</b>	<b>1.384.991.000</b>	<b>1.421.091.406</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	478.764.717	439.862.275
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.863.755.717</b>	<b>1.860.953.681</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
<b>a. Ngắn hạn</b>						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	22.793.678.239	22.793.678.239			22.793.678.239	22.793.678.239
<b>b. Dài hạn</b>						
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	168.316.782.260	168.316.782.260	-	16.831.678.181	185.148.460.441	185.148.460.441
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	38.751.918.340	38.751.918.340	-	5.962.000.043	44.713.918.383	44.713.918.383
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.239)			(22.793.678.239)	(22.793.678.239)
<b>Cộng</b>	<b>184.275.022.361</b>	<b>184.275.022.361</b>			<b>207.068.700.585</b>	<b>207.068.700.585</b>
<b>Tổng cộng khoản vay</b>	<b>207.068.700.600</b>	<b>207.068.700.600</b>	<b>-</b>	<b>22.793.678.224</b>	<b>229.862.378.824</b>	<b>229.862.378.824</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay***(i) Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bể chứa (Mộng Mơ, Thái Phiên, Resimair, Măng Lìn, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyên tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nổi hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt.

*(ii) Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu Dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Thị trấn Tân Hà, huyện Lâm Hà; Thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Thị trấn Mađaguôi, huyện Đa Huoai; Thị trấn Đambri, huyện Đa Huoai; Thị trấn Đ'ran, huyện Đơn Dương; Thị trấn Bằng Lãng, huyện Đam Rông trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137,96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Mađaguôi, Đambri, Đ'ran, Bằng Lãng) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.

**Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	22.793.678.239	22.793.678.239
Trong năm thứ hai	22.793.678.239	22.793.678.239
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	93.100.309.399	115.893.987.623
<b>Cộng</b>	<b>207.068.700.600</b>	<b>229.862.378.824</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.239)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>184.275.022.361</b>	<b>207.068.700.585</b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.215.198.457	4.388.494.339
Trích lập quỹ trong năm	17.008.923.195	3.910.951.663
Sử dụng quỹ trong năm	(14.543.036.446)	(7.084.247.545)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.681.085.206</b>	<b>1.215.198.457</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>1.200.937.430</b>	<b>12.206.383.925</b>	<b>34.458.390.737</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>875.708.359.169</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	56.674.027.288	-	56.674.027.288
Chia cổ tức	-	-	-	-	(26.004.000.000)	-	(26.004.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.910.951.663)	-	(3.910.951.663)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.445.839.074	(3.445.839.074)	-	-
Thủ lao của ban điều hành	-	-	-	-	(1.097.600.000)	-	(1.097.600.000)
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.652.222.999	(15.652.222.999)	-	-	-
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>16.853.160.429</b>	<b>-</b>	<b>56.674.027.288</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>901.369.834.794</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	79.056.153.431	-	79.056.153.431
Chia cổ tức	-	-	-	-	(29.786.400.000)	-	(29.786.400.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(17.008.923.195)	-	(17.008.923.195)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.501.104.093	(8.501.104.093)	-	-
Thủ lao của ban điều hành	-	-	-	-	(1.377.600.000)	-	(1.377.600.000)
Đầu tư tài sản từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.204.548.976	(2.204.548.976)	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>788.000.000.000</b>	<b>28.512.122.705</b>	<b>19.057.709.405</b>	<b>6.296.555.117</b>	<b>79.056.153.431</b>	<b>11.330.524.372</b>	<b>932.253.065.030</b>

Việc trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển trong kỳ và quyết toán thủ lao cho Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát năm 2022 được thực hiện theo nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 27 tháng 5 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP** (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày 31/12/2023 và 01/01/2023		
	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%	315.129.240.000
Bà Trương Thị Mỹ An	13.975.893	17,74%	139.758.930.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%	125.026.010.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	10.735.182	13,62%	107.351.820.000
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	90.000.000.000
Các cổ đông khác	1.073.400	1,36%	10.734.000.000
<b>Cộng</b>	<b>78.800.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>788.000.000.000</b>

**c) Cổ phiếu**

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	78.800.000	78.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**d) Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 27 tháng 5 năm 2023, cổ tức năm 2022 đã được phê duyệt với tổng số tiền là 29.786.400.000 đồng, tương ứng mức 378 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thanh toán toàn bộ cổ tức năm 2022 cho các cổ đông.

Cổ tức năm 2023 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng 3,95%, tương ứng 395 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023 Ngoại tệ	01/01/2023 Ngoại tệ
Tiền Đôla Mỹ (USD)	67,15	67,50

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các khoản phải thu khác	13.578.000	13.578.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	269.688.674.080	248.624.554.170
Doanh thu xử lý nước thải	18.416.339.161	17.829.133.058
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	8.112.460.038	9.925.404.893
Doanh thu khác	836.773.679	1.179.201.058
<b>Cộng</b>	<b>297.054.246.958</b>	<b>277.558.293.179</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	195.506.526.299	188.840.694.916
Giá vốn xử lý nước thải	14.965.685.025	14.481.620.710
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	6.649.953.097	7.734.431.671
Giá vốn khác	1.044.084.067	750.796.685
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	1.146.457.180	926.733.939
<b>Cộng</b>	<b>219.312.705.668</b>	<b>212.734.277.921</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi	55.033.615.061	41.083.680.260
Cổ tức được chia	433.350.000	825.602.208
<b>Cộng</b>	<b>55.466.965.061</b>	<b>41.909.282.468</b>

**Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ các bên liên quan:**

Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng	433.350.000	433.350.000
Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh	-	392.252.208
<b>Cộng</b>	<b>433.350.000</b>	<b>825.602.208</b>

**4. Chi phí tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	13.900.569.390	15.257.152.308

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP** (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí duy trì đầu nổi	4.058.068.383	4.867.802.677
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	37.084.942	25.161.852
<b>Cộng</b>	<b>4.095.153.325</b>	<b>4.892.964.529</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.245.177.868	4.979.219.649
Chi phí đồ dùng văn phòng	222.407.598	273.763.401
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.881.295	289.556.457
Thuế, phí và lệ phí	182.647.491	328.336.777
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	282.799.188	(104.562.474)
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	10.293.655.363	9.385.902.386
<b>Cộng</b>	<b>16.633.568.803</b>	<b>15.152.216.196</b>

**7. Thu nhập và chi phí khác**

	2023 VND	2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu hồi chi phí Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải	1.425.945.947	-
Thu nhập từ cho thuê tuyến ống truyền tải	227.272.728	454.545.454
Các khoản thu nhập khác	212.092.401	290.739.438
<b>Cộng</b>	<b>1.865.311.076</b>	<b>745.284.892</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.043.623.849	1.057.790.515
Chi phí bồi thường phải nộp	286.158.577	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính, thuế	144.829.142	-
Các khoản chi phí khác	86.411.251	184.298.906
<b>Cộng</b>	<b>1.561.022.819</b>	<b>1.242.089.421</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>304.288.257</b>	<b>(496.804.529)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)****8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2023 VND	2022 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>98.883.503.090</b>	<b>70.934.160.164</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Chi phí không được trừ	2.956.960.165	2.301.134.580
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.027.612.818)	(1.093.384.563)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>99.812.850.437</b>	<b>72.141.910.181</b>
Chuyển lỗ	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>99.812.850.437</b>	<b>72.141.910.181</b>
Hoàn nhập quỹ khoa học và công nghệ	154.127.608	267.782.355
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm trước	61.764.012	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>20.055.159.621</b>	<b>14.481.938.507</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.407.598.822	105.719.780.104
Chi phí nhân công	59.648.419.983	58.363.490.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.410.103.009	39.979.101.633
Chi phí duy trì đầu nôi	4.058.068.383	4.867.802.677
Chi phí dự phòng	1.429.256.368	822.171.465
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	25.087.981.231	23.027.112.590
<b>Cộng</b>	<b>240.041.427.796</b>	<b>232.779.458.646</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	79.056.153.431	56.674.027.288
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	(30.936.922.744)	(18.386.523.195)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>48.119.230.687</b>	<b>38.287.504.093</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	78.800.000	78.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>611</b>	<b>486</b>

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 27 tháng 5 năm 2023.

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là số ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 mà Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp Đại hội thường niên sắp tới.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh  
 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng  
 Ông Phan Đình Tân  
 Ông Nguyễn Hùng Cường

Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Chủ tịch hội đồng quản trị  
 Thành viên hội đồng quản trị,  
 kiêm Tổng Giám đốc  
 Thành viên hội đồng quản trị  
 Thành viên hội đồng quản trị  
 Thành viên hội đồng quản trị,  
 kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Hùng  
 Ông Đỗ Văn Hạ  
 Ông Nguyễn Văn Dũng

Các số dư và giao dịch trọng yếu với các bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp này.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	602.393.416	378.274.000
	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Hùng Cường	kiêm Tổng Giám đốc	1.318.376.637	1.122.404.001
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên	236.888.850	164.667.000
	Thành viên HĐQT kiêm		
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	899.145.851	761.541.700
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT	65.920.000	-
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên (đã miễn nhiệm)	170.968.850	164.667.000
		<b>3.293.693.604</b>	<b>2.591.553.700</b>
<b>Ban kiểm soát</b>			
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	600.959.387	316.133.000
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	43.840.000	-
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	43.840.000	-
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên (đã miễn nhiệm)	96.636.104	103.831.000
Bà Vy Thị Bé	Thành viên (đã miễn nhiệm)	77.388.736	56.240.000
Bà Trần Thị Thủy	Thành viên (đã miễn nhiệm)	6.400.000	46.081.000
		<b>869.064.227</b>	<b>522.285.000</b>
Ông Bùi Hoàng Trường VI	Kế toán trưởng	595.682.427	550.487.300

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP** (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, thành phố Đà Lạt. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.671,91 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện thuê đất của Nhà nước tại các địa điểm khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng để sử dụng cho mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh.

Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

**3. Cam kết không hủy ngang**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các cam kết không hủy ngang như sau:

- Hợp đồng mua sỉ nước sạch từ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa.
- Hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt. Đơn giá đặt hàng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 6.261 đồng/m<sup>3</sup>, trong đó các tổ chức cá nhân đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chỉ trả 3.198 đồng/m<sup>3</sup> và ngân sách cấp 3.063 đồng/m<sup>3</sup>.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

**5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT về việc sẽ không tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh và lập tờ trình trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xin được thoái phần vốn hiện có tại Công ty liên kết này.

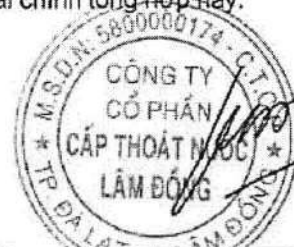
Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp này.



**Trần Thị Tuyết Ngọc**  
Người lập biểu



**Bùi Hoàng Trường Vi**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Hùng Cường**  
Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 3 năm 2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

**Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,**

**thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng**

**MSDN: 5800000174**

*Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

## **TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 02**

**V/v thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024**

Căn cứ:

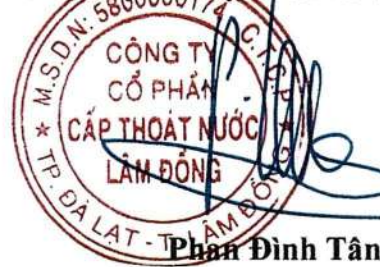
- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua: Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị và kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024,

Báo cáo Hội đồng quản trị đã được đại diện Hội đồng quản trị trình bày chi tiết tại Đại hội, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua (chi tiết xem báo cáo của Hội đồng quản trị đính kèm).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
50 Hùng Vương, Phường 9,  
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  
MSDN: 5800000174  
ĐT: 02633 834304; Fax:02633 824  
050  
Website:lawaco.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 04 năm 2024

Số: 01/2024/BC-ĐHĐCĐ

**BÁO CÁO**  
**Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023**  
**và Kế hoạch hoạt động của năm 2024**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024**

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Lâm Đồng năm 2023 tăng trưởng ở hầu hết các ngành, khu vực kinh tế; một số mặt xã hội có chuyển biến tích cực, nhất là trên lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, an ninh chính trị, trật tự xã hội cơ bản được giữ vững. GRDP năm 2023 theo giá so sánh 2010 tăng 5,63% so với cùng kỳ, tổng sản phẩm theo giá hiện hành đạt 115 ngàn 835 tỷ đồng, tăng 12,52% so với cùng kỳ. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2023 là 6,9%, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 5,04% so với cùng kỳ (theo báo cáo của Cục Thống kê Lâm Đồng tháng 12/2023).

LAWACO cũng có kết quả khá tốt trong năm 2023 sau một quá trình cố gắng, phấn đấu không ngừng của Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) cùng Ban Điều hành (“**BĐH**”) và toàn thể người lao động, cụ thể như sau:

A. Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2023:

I. Hoạt động của ĐHĐCĐ thường niên 2023: Ngày 27/5/2023 ĐHĐCĐ thường niên 2023 đã diễn ra thành công. Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền là 39 cổ đông, đại diện sở hữu cho 77.850.300 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 98,79% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (“**LAWACO**”). ĐHĐCĐ thường niên 2023 đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Phê chuẩn các nội dung được Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) trình ĐHĐCĐ 2023 như sau:

- Tờ trình số 1: Thông qua Báo cáo tài chính 2022 đã kiểm toán .
- Tờ trình số 2: Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT năm 2022- Kế hoạch hoạt động năm và Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT nhiệm lý I (2018-2023) - Chiến lược phát triển và kế hoạch SXKD giai đoạn 2023-2028.

-Tờ trình số 3: Báo cáo của Ban kiểm soát (“BKS”) về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc năm 2023 và nhiệm kỳ I (2018-2023).

-Tờ trình số 4: Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên (“KSV”) năm 2022 và nhiệm kỳ I (2018-2023).

-Tờ trình số 5: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và dự kiến mức cổ tức năm 2023

- Tờ trình số 6: Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

- Tờ trình số 7: Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022

- Tờ trình số 8: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2022 và dự kiến thù lao HĐQT, BKS năm 2023

- Tờ trình số 9: bổ sung ngành nghề: “Thử nghiệm Hóa, Thử nghiệm Sinh học”.

- Tờ trình số 10: Sửa đổi Điều lệ tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 20 và Khoản 1 Điều 22.

2. Miễn nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ I do hết nhiệm kỳ: ĐHĐCĐ thống nhất miễn nhiệm HĐQT, KSV Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng nhiệm kỳ I (2018-2023) do hết nhiệm kỳ.

3. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ II: ĐHĐCĐ thông qua kết quả bầu thành viên HĐQT và KSV nhiệm kỳ II (2023-2028) như sau:

3.1 Kết quả trúng cử thành viên HĐQT gồm 05 người:

- + Phan Đình Tân
- + Đỗ Văn Hạ
- + Nguyễn Hùng Cường
- + Nguyễn Văn Dũng
- + Trần Quốc Hùng

3.2 Kết quả bầu cử KSV gồm 03 người:

- + Phạm Văn Khoa
- + Nguyễn Thị Mỹ Vân
- + Nguyễn Thy Phương

II. Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023:

1. Thành phần HĐQT: HĐQT có 05 thành viên, trong đó Ông: Dương Tiến Dũng trúng cử ngày 08/6/2018 miễn nhiệm ngày 27/5/2023 và Ông Đỗ Văn Hạ trúng cử ngày 27/5/2023; trong HĐQT có 02 thành viên điều hành là Ông Nguyễn Hùng Cường (Tổng Giám đốc) và ông Nguyễn Văn Dũng (Phó Tổng Giám đốc) các thành viên khác được phân công phụ trách một số lĩnh vực quản trị của Công ty.

2. Đánh giá chung: Tháng 5/2023 thực hiện quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của LAWACO (“**Điều lệ**”), HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; Trong năm 2023 HĐQT đã tổ chức được 09 phiên họp trong đó có 04 phiên thường kỳ và 05 phiên khác; đã ban hành 09 Nghị quyết và 10 Quyết định nhằm định hướng, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của LAWACO. Các Nghị quyết, Quyết định đều được HĐQT thống nhất cao và là những định hướng quan trọng giúp BĐH tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh của LAWACO đạt kết quả tốt. HĐQT

đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023; tạo điều kiện thuận lợi để BDH chủ động trong công tác điều hành hoạt động Sản xuất-kinh doanh song vẫn đảm bảo sự quản lý của HĐQT.

### 3. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2023:

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp do HĐQT tổ chức và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của LAWACO.

- Các thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công, quyết định các định hướng lớn của LAWACO, kịp thời chỉ đạo việc hoàn thiện công tác quản trị theo hướng hiệu quả, quản lý chặt chẽ về chi phí, tài chính, hạn chế thấp nhất các rủi ro về pháp lý, về tài chính trong quá trình hoạt động sản xuất-kinh doanh LAWACO, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của LAWACO và các cổ đông.

Các Nghị quyết của HĐQT đều được triển khai kịp thời đến từng bộ phận sản xuất-kinh doanh, người lao động; kết quả thực hiện đều được phản ánh thường xuyên bằng văn bản hàng tháng, quý năm và từng chuyên đề.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, tùy theo lĩnh vực được phân công các thành viên HĐQT và người được HĐQT ủy quyền đã tham dự đủ các buổi họp chuyên môn của BDH tổ chức, các ý kiến phát biểu đều được hội ý thống nhất trong HĐQT để tham gia đóng góp chỉ đạo, xây dựng kịp thời mang tính hiệu quả cao.

### III. Mối quan hệ công tác:

- Các thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ, thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công; thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính đã chủ động phối hợp xử lý dứt điểm từng vấn đề, vụ việc, hạn chế tồn đọng kéo dài.

- HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định để BDH triển khai và bộ máy thực hiện; HĐQT kiểm tra, giám sát thường xuyên việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó.

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS, đảm bảo tính độc lập hoạt động của BKS. HĐQT chủ động mời họp và gửi tài liệu tham khảo cho BKS trước các phiên họp theo quy định như đối với thành viên HĐQT. Tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của BKS trong quá trình họp cũng như báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát của BKS.

IV. Công tác giám sát đối với hoạt động của TGD và BDH: Việc giám sát hoạt động của TGD và các thành viên BDH đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ, Quy chế của LAWACO và quy định của pháp luật:

- Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT kiêm nhiệm thành viên BDH, những người được ủy quyền đã tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng, quý, năm để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời nhằm đạt các mục tiêu sản xuất-kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt;

- Các đề xuất của BDH trình HĐQT đều được HĐQT thảo luận tại các cuộc họp HĐQT, sau khi HĐQT đã quyết nghị đều được chuyển cho BDH sớm nhất để tổ chức thực hiện; trong quá trình triển khai thực hiện BDH đã thường xuyên kịp thời báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện bằng văn bản cho HĐQT.

- HĐQT đã theo dõi sát sao tình hình hoạt động sản xuất-kinh doanh nhất là hoạt động tài chính của LAWACO qua các báo cáo định kỳ của TGD. HĐQT giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch tháng, quý, năm thông qua các kênh báo cáo chính thức của BDH.

- HĐQT đã tích cực phối hợp thông qua công tác kiểm tra giám sát của BKS giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của LAWACO để có thể đề ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động sản xuất-kinh doanh của LAWACO.

- Nhìn chung, BDH đã có nhiều cố gắng, nỗ lực và sáng tạo trong công tác quản lý điều hành và đã đạt kết quả rất tốt trong năm 2023.

V. Thù lao, chi phí của HĐQT: Việc chi trả thù lao của HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023 và các quy định nội bộ của LAWACO, cụ thể như sau:

- Thù lao: tạm ứng 1.239.440.000 đồng tương đương 90 % so với Kế hoạch
- Chi phí: trong năm HĐQT không sử dụng chi phí của LAWACO.

(Chi tiết xem tờ trình số 09/2024)

VI. Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023

1. Thực hiện vượt Kế hoạch sản xuất- kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương, phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2023 (Tờ trình số 05/2024):

1.1 Thực hiện Kế hoạch: đã vượt được các chỉ tiêu chính như sau

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu tổng	đồng	330.642	354.386	107,18%
2	Doanh thu SX chính	đồng	256.084	269.481	105,23%
3	Tỷ lệ thất thoát	%	19	18	
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	73.856	98.883	133,89%
7	Cổ tức	%	3,95	5,1	129,1%

2. Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (Tờ trình số 6/2023): HĐQT đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA (là đơn vị đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán). Địa chỉ: Tầng 15 Tòa Nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.

Báo cáo kiểm toán 2023 đã được Công ty kiểm toán thực hiện đúng thời gian quy định, báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của LAWACO tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022 (Tờ trình số 7/2023):

a) Phân phối lợi nhuận: đã thực hiện theo nội dung trình đã được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua như sau:

Quỹ đầu tư phát triển: 8.501.104.000 đồng



Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 16.394.197.153 đồng

Thù lao HĐQT và thành viên BKS: 1.377.600.000 đồng

Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức: 29.786.400.000 đồng

b) Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023, đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, mức cổ tức chi trả là: 3,78% vốn điều lệ (378 đồng/01 cổ phần) và hoàn thành trong tháng 6/2023.

#### VII. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH:

1. Về phân công công tác trong BDH: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, trong năm 2023, TGD đã chủ động phân công và giao nhiệm vụ cho các thành viên BDH phụ trách từng lĩnh vực cụ thể. Ngoài vai trò điều hành chung, TGD đã xây dựng cơ chế làm việc tập thể, tạo điều kiện cho mỗi thành viên trong BDH phát huy cao nhất chuyên môn, năng lực, trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, đóng góp vào việc nâng cao năng suất công việc.

#### 2. Về hoạt động điều hành của TGD:

- TGD đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của LAWACO tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ LAWACO. BDH đã tổ chức thực hiện, triển khai đầy đủ, kịp thời các và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- TGD thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT có ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở này, HĐQT có điều kiện giám sát chặt chẽ TGD và các nhân sự quản lý điều hành khác về kết quả hoạt động LAWACO.

- Nhìn chung, tập thể Ban điều hành LAWACO đã tích cực, chủ động thực hiện, giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành LAWACO, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của HĐQT; giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động LAWACO một cách đầy đủ, minh bạch và đúng quy định của pháp luật; chủ động tổ chức các phương án sản xuất-kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở chỉ đạo của HĐQT.

### B. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

1. Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024 vào ngày 22/4/2024 tại Đà Lạt

2. Tổ chức thực hiện thắng lợi Kế hoạch sản xuất-kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu cụ thể như sau (chi tiết xem tờ trình số 6/2024):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
1	Doanh thu tổng	đồng	355.302.000.000	
2	Doanh thu SX chính	đồng	282.955.000.000	
3	Tỷ lệ thất thoát	%	18	
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	85.722.000.000	
5	Cổ tức	%	≥4,35%	

- Quyết tâm giải quyết tình trạng thiếu nước ở nhiều địa phương thuộc vùng cấp nước LAWACO phụ trách như tổ chức ưu tiên xúc tiến đàm phán mua nước của Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm hoặc đàm phán mua lại nhà máy xử lý nước Tuyên Lâm

của Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm hoặc đầu tư thêm một đường ống chuyên tải từ Nhà máy Đan kia 1 về Đà Lạt; nâng công suất Nhà máy Đan kia 1 từ 25.000 m<sup>3</sup>/ngđ lên 49.000 m<sup>3</sup>/ngđ, cải tạo hệ thống cấp nước các khu vực nước yếu, khai thác nguồn mới bổ cấp cho các khu vực nguồn bị ô nhiễm, cạn kiệt...

- Thoái vốn hiện có tại các công ty liên kết để tập trung nguồn vốn nhằm đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước tại các khu vực LAWACO đang phục vụ cấp nước.

3. Tiếp tục thực hiện tái sắp xếp theo hướng tinh gọn phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh đa dạng hướng đến một Công ty đa ngành nghề, chuyên nghiệp; mở rộng thị trường ra ngoài tỉnh và khu vực.

4. Phát huy hiệu quả chương trình chống thất thoát hoàn thiện Phương án chống thất thoát để có giải pháp toàn diện, triệt để hơn để đạt được hiệu quả chống thất thoát như chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng.

5. Xây dựng phương án nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất- kinh doanh nhằm đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ("ROE") của LAWACO trong những năm tiếp theo đặc biệt chú ý đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành.

6. Tiếp tục thực hiện nghiên cứu, từng bước áp dụng chuyển đổi số với từng lĩnh vực hoạt động của LAWACO, xây dựng lộ trình chuyển đổi hợp lý để tiếp cận thông tin, dữ liệu một cách nhanh chóng, giảm thiểu tối đa chi phí vận hành, duy trì được yếu tố lợi thế cạnh tranh của LAWACO.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCD 2024;
- HĐQT, BKS;
- Đăng website;
- Lưu: VT, Thư ký CTy.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

**Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,**

**thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng**

**MSDN: 5800000174**

*Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

## **TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 03**

Về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2023

- Căn cứ:
- Luật Doanh nghiệp;
  - Luật Chứng khoán;
  - Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
  - Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua: Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc năm 2023.

Báo cáo đã được đại diện Ban kiểm soát trình bày chi tiết tại Đại hội, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Chi tiết xem Báo cáo đính kèm).

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Mỹ Vân**

## BÁO CÁO

### Kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

Kính thưa Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Lâm Đồng,

- ÷ Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);
- ÷ Căn cứ tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Lawaco;
- ÷ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);

Ban Kiểm soát kính trình báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 về kết quả kinh doanh của Lawaco; Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc năm 2023 như sau:

#### I. Kết quả công tác giám sát của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2023, Lawaco đã cơ bản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định pháp luật đối với Công ty cổ phần đại chúng. Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh, việc thẩm tra các BCTC quý, BCTC bán niên; BCTC năm, soát xét số liệu, chứng từ kế toán, BKS có một số nhận xét như sau:

##### 1/ Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Các hoạt động của Công ty vẫn đảm bảo phát triển, an toàn, bền vững và tuân thủ theo pháp luật. Việc triển khai thực hiện theo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT được giám sát, đảm bảo đúng định hướng đề ra thông qua công tác giám sát, kiểm tra hàng quý do BKS thực hiện.

Công ty thực hiện tốt việc quản lý, vận hành mạng lưới phục vụ công tác cấp nước an toàn liên tục trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Công ty tập trung thực hiện các công trình xây dựng cơ bản kết hợp đồng thời với việc chỉnh trang đô thị tại địa phương, đặc biệt là công tác dò tìm, sửa ống bể ngầm chống thất thoát nước. Với nhiều nỗ lực, tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2023 đạt 18% giảm 1% so với kế hoạch năm, giảm 1.41% so với cùng kỳ 2022, đã góp phần mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác sản xuất, kinh doanh nước sạch: Doanh thu nước sạch năm 2023 đạt 107.1% so với kế hoạch và 110.6% so với thực hiện năm 2022. Công tác quản lý, điều hành mạng lưới cung cấp nước sạch tiếp tục được mở rộng trên địa bàn thành phố Đà Lạt; Tình hình chất lượng dịch vụ cơ bản được đảm bảo.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: trong năm đã hoàn thành 276 phiếu khoán công trình với tổng mức đầu tư là 10,471 tỷ đồng, ưu tiên cải tạo các bể lọc, nâng cấp các tuyến ống cấp nước tại các điểm bất lợi.

Tổng tài sản trong năm 2023 tăng 15.2 tỷ, giảm 0,15 tỷ đồng so với năm 2022. Tài sản tăng chủ yếu từ cải tạo các bể lọc, van, các tuyến ống cấp nước,..., trang bị mới 01 xe ô tô.

Dịch vụ thoát nước: cơ bản thực hiện tốt dịch vụ thoát nước theo đơn đặt hàng của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đã lập và ban hành nhiều biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố hóa chất, sự cố môi trường.

Bên cạnh các công tác Công ty đã thực hiện được, BKS cũng có một số kiến nghị cần lưu ý:

+ Công tác sản xuất nước sạch: tiếp tục khắc phục các điểm thiếu nguồn nước, cấp nước không liên tục tại một số nơi như: nhà máy nước Đa Loai, Bảo Lâm, Nam Ban và một số điểm bất lợi tại khu vực Đà Lạt. Tiếp tục triển khai ứng dụng khoa học công nghệ giúp nâng cao hiệu quả trong các hoạt động, tăng mức độ an toàn trong sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty cần phân tích, đánh giá thêm các số liệu về nguồn nước cả về chất lượng lẫn sản lượng; Tính hiệu quả của công tác phát triển khách hàng, thay đổi phương thức, kênh kết nối trong công tác thu tiền của khách hàng, nhằm đẩy mạnh và phát huy chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số của Chính phủ.

+ Công tác xả thải: chỉ số amoni còn chưa ổn định so với tiêu chuẩn giấy phép xả thải của Bộ Tài nguyên môi trường, lượng bùn thải còn tồn đọng tại nhà máy. Công ty cần đẩy nhanh thủ tục xin chủ trương và kinh phí với các cấp có thẩm quyền và UBND tỉnh thực hiện công tác lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, thay thế thiết bị đã xuống cấp nhằm đảm bảo chất lượng nước thải liên tục.

## 2/ Thực hiện chế độ kế toán, BCTC và kết quả sản xuất kinh doanh:

BKS đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế iCPA (là đơn vị đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán). BKS luôn duy trì kênh thông tin hiệu quả với kiểm toán độc lập để đảm bảo giám sát được chất lượng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cũng như cập nhật kịp thời các kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: Đồng VN

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Thực hiện	Tỷ lệ % 2023/2022
		Năm 2023	Năm 2022	
1	Tổng tài sản, trong đó:	1 176 497 019 502	1 173 257 848 105	100.28%
	+ Tài sản ngắn hạn	648 388 717 645	639 976 541 359	101.31%
	+ Tài sản dài hạn	528 108 301 857	533 281 306 747	99.03%
2	Nguồn vốn	1 176 497 019 502	1 173 257 848 105	100.28%
	+ Nợ phải trả	244 243 954 472	271 888 013 311	89.83%
	+ Vốn chủ sở hữu	932 253 065 030	901 369 834 794	103.43%
3	Vốn điều lệ	788 000 000 000	788 000 000 000	100.00%
4	Tổng doanh thu	354 386 523 095	320 212 860 539	110.67%
5	Tổng chi phí	255 503 020 005	249 278 700 375	102.50%
6	Lợi nhuận trước thuế	98 883 503 090	70 934 160 164	139.40%
7	Lợi nhuận sau thuế	79 056 153 431	56 674 027 288	139.49%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL (%)	10.03%	7.19%	139.53%
9	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	611	486	125.72%

Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Biến động
Tỷ suất LN thuần HĐKD/DTT	33.2%	25.7%	7.5%
Tỷ suất GVHB/DTT	73.8%	76.6%	-2.8%
Tỷ suất Chi phí lãi vay/DTT	4.7%	5.5%	-0.8%
Tỷ suất CPBH/DTT	1.4%	1.8%	-0.4%
Tỷ suất CPQLDN/DTT	5.6%	5.5%	0.1%
Tỷ suất LNST/DTT	26.6%	20.4%	6.2%
Tỷ suất LNST/Vốn CSH ROE	8.6%	6.3%	2.3%
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản ROA	6.7%	4.8%	1.9%

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2022	Biến động
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	44.89%	45.45%	-0.56%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	55.11%	54.55%	0.56%
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	20.76%	23.17%	-2.41%
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	79.24%	76.83%	2.41%
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	26.20%	30.16%	-3.96%
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	Khả năng thanh toán nhanh [(Tiền và tương đương tiền + Đầu tư tài chính ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn]	9.98	9.85	0.13%
	Khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	10.90	9.96	8.63%

Kết thúc năm 2023, tổng doanh thu của Công ty đạt hơn 354 tỷ đồng, tăng 7% so với kế hoạch đề ra, và tăng 10% so với năm 2022. Sự tăng trưởng này chủ yếu từ doanh thu nước sạch đạt 269,5 tỷ đồng, tăng 8.5% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 90.72% trong cơ cấu doanh thu thuần.

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty đều tăng 39% so với thực hiện năm 2022.

Các chỉ số ROI, ROA ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, lần lượt đạt 8.6%;6.7%; tương ứng tăng 2.3% và 1.9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả vẫn duy trì ở mức tốt.

Cơ cấu nguồn vốn không thay đổi.

## II. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Điều hành (BDH):

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý của Lawaco trong năm 2023, BKS chưa thấy có dấu hiệu bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành.

### 1. Giám sát đối với HĐQT:



- HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo Điều lệ của Lawaco.

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, đã ban hành 09 nghị quyết và 10 quyết định trong năm 2023. Trong các kỳ họp HĐQT, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ và làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết, kịp thời định hướng, chỉ đạo các chủ trương, hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.

- HĐQT đã chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông qua các cuộc họp HĐQT hàng quý và khi có yêu cầu đột xuất HĐQT/Chủ tịch HĐQT đã trao đổi trực tiếp và chất vấn các hoạt động của BDH trong việc thực hiện chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh.

## **2. Giám sát đối với Ban Giám đốc/Ban Điều hành:**

- BDH đã thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết và quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong BDH để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

- BDH cũng trình bày các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện sản xuất kinh doanh và thảo luận, bàn bạc trực tiếp với HĐQT để đưa ra các giải pháp kịp thời, hiệu quả nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu mà ĐHĐCĐ thông qua.

## **3. Về kết quả thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, BKS xin nêu tóm lược như sau:**

Chúng tôi nhất trí với báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính trong năm 2023 đã được kiểm toán. Trong đó, các chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2023		Tỷ lệ hoàn thành
		Nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện	
1	Tổng doanh thu	330 642 000 000	354 386 523 095	107.2%
2	Doanh thu sản xuất chính	285 886 000 000	297 054 246 958	103.9%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	73 856 000 000	98 883 503 090	133.9%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	59 084 800 000	79 056 153 431	133.9%
5	Tổng quỹ lương	50 251 000 000	50 251 000 000	100%
6	Tỷ lệ thất thoát	19%	18%	Vượt KPI 1%
7	Chia cổ tức năm 2022	3.78%	3.78%	100%

So sánh kết quả thực hiện với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, Công ty đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu chính được giao: chỉ tiêu tổng doanh thu tăng 7.2%; Lợi nhuận tăng 33.9%; thất thoát giảm 1%. Đây là kết quả xứng đáng với những nỗ lực đến từ tập thể Công ty, đặc biệt là Lợi nhuận trước thuế đạt gần 99 tỷ đồng, tăng 33.9% so với kế hoạch năm 2023, tăng 39.4% so với năm 2022. Kiến nghị BDH tiếp tục theo dõi tình hình, đánh giá các ảnh hưởng, phát huy các mặt đạt được đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 phù hợp với tình hình chung đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024 và cổ tức cho các cổ đông.

### III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH, các cán bộ quản lý và cổ đông:

1. Trong năm 2023, giữa BKS với HĐQT, BDH và các bộ phận quản lý đã cơ bản duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Lawaco. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT và BDH được thực hiện phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HĐQT đã kết hợp với BKS kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty để đóng góp ý kiến với BDH nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra. Các thành viên BKS đều được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, thông qua đó BKS có cơ hội trao đổi, bàn bạc trực tiếp về những ý kiến đóng góp của mình với HĐQT, BDH với tư cách là giám sát và đại diện cổ đông.

2. Đối với cổ đông: BKS chưa nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Lawaco.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, BHD năm 2023 của Ban kiểm soát Lawaco, kính trình ĐHĐCĐ thường niên.

Thay mặt BKS tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, BDH, các Phòng ban chức năng có liên quan cùng Quý cổ đông đã luôn tạo điều kiện cho BKS thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

*Xin kính chúc các Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc đại hội thành công.*

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành;
- Lưu Thư ký, BKS.







**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**  
**Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,**  
**thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng**  
**MSDN: 580000174**

*Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

## **TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **SỐ 04**

**Về việc thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024**

- Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp;  
- Luật Chứng khoán;  
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng;  
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua: Báo cáo của Ban kiểm soát về tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.

Báo cáo đã được đại diện Ban kiểm soát trình bày chi tiết tại Đại hội, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

(Chi tiết xem Báo cáo đính kèm).

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**

M.S.D.N: 580000174 - C.T.C.P.  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC  
LÂM ĐỒNG  
TP. ĐÀ LẠT - T. LÂM ĐỒNG

**Nguyễn Thị Mỹ Vân**

## **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023**

*Kính thưa Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Lâm Đồng,*

- ÷ Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);
- ÷ Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Lâm Đồng (Lawaco);

Ban Kiểm soát kính trình báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

### **I. Thành viên và cơ cấu của BKS:**

BKS hoạt động từ DIHDCD thường niên năm 2023 đến DIHDCD thường niên năm 2024 gồm có:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân – Trưởng ban-Bổ nhiệm ngày 27/5/2023
- Ông Phạm Văn Khoa – Thành viên – Bổ nhiệm ngày 27/5/2023
- Bà Nguyễn Thy Phương – Thành viên – Bổ nhiệm ngày 27/5/2023.
- Bà Vy Thị Bé – Thành viên – Miễn nhiệm ngày 27/5/2023.
- Ông Trần Văn Thuận – Thành viên – Miễn nhiệm ngày 27/5/2023.

### **II. Các hoạt động của Ban kiểm soát:**

1. Xây dựng chương trình hoạt động kiểm tra; Thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS.
2. Tham dự đầy đủ và có ý kiến, báo cáo tại các cuộc họp Hội đồng quản trị (HĐQT) để nắm bắt tình hình quản trị, điều hành của Lawaco; các phiên họp của BKS (tham dự trực tiếp và trực tuyến).
3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của DIHDCD thường niên năm 2023 và các Nghị quyết của HĐQT.
4. Giám sát việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành.
5. Giám sát hoạt động, đưa ra các ý kiến về Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023. Hàng quý thực hiện soát xét số liệu kế toán, tiền lương, thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và báo cáo quản trị Công ty.
6. Giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế nội bộ Công ty đã ban hành. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiến nghị xây dựng mới các quy chế, quy trình,... cần thiết liên quan đến quản lý nội bộ doanh nghiệp như các chính

sách quản trị, hay phân cấp chức năng, quyền hạn giữa các bộ phận... tạo công cụ hữu ích trong công tác quản lý tại doanh nghiệp.

7. Thực hiện một số công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.
8. Tổng kết các báo cáo đã thực hiện trong năm 2023:
  - Xây dựng và ban hành chương trình công tác kiểm soát năm 2023 thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
  - Báo cáo tổng kết hết nhiệm kỳ 2018-2023 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2023-2028 của Ban Kiểm soát.
  - Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính; Soát xét số liệu kế toán; Báo cáo tình hình phải thu, phải trả của Công ty. Đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương của năm 2023.
  - Thẩm định, soát xét báo cáo tài chính quý, 06 tháng, năm 2023.
  - Báo cáo kết quả kiểm tra, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 và cả năm 2023; So với kế hoạch đã đề ra trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023.
  - Đánh giá quy trình quản lý nợ, nhờ thu, hoàn trả, thanh toán tiền nước của khách hàng.
  - Tham gia ý kiến một số nội dung đối với các Công ty liên kết: Cty CP CTN và XD Đức Trọng, Công ty CP CN và XD Di Linh.

\* **Đánh giá:** Nhìn chung BKS đã hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2023 đề ra. Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có biên bản làm việc ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến, kiến nghị của BKS nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

### **III. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024:**

#### **1. Nội dung:**

*Chương trình hoạt động của BKS tập trung vào những nội dung chính sau:*

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát sự tuân thủ Điều lệ, các Quy chế và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của Lawaco.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm.
- Kiểm soát quản lý thu, chi, và các hoạt động thường xuyên của Lawaco.
- Đánh giá các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Xem xét việc ký kết hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Đánh giá việc thực hiện phân phối tiền lương, các chế độ khác liên quan đến người lao động.
- Rà soát quy trình, định mức liên quan đến các hoạt động đối với khách hàng sử dụng tiền nước, lắp đặt hệ thống mới.
- Kiểm tra việc công bố thông tin của Lawaco có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

- Kiểm soát các vấn đề khác có liên quan đến nhiệm vụ của BKS.
- Theo dõi việc tổ chức thực hiện những kiến nghị của BKS đã đưa ra.

## 2. Tổ chức thực hiện:

- Công tác kiểm tra, kiểm soát phải thực hiện tuân thủ theo đúng Pháp luật hiện hành, Điều lệ Lawaco, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của BKS.
- Căn cứ và sự phân công trong BKS và nội dung chương trình nêu trên, từng thành viên BKS chủ động xây dựng nội dung làm việc và thời gian tiến hành cụ thể trước khi thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tóm tắt về tình hình hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát Lawaco, kính trình ĐHĐCĐ thường niên.

*Xin kính chúc các Quý cổ đông nhiều sức khỏe và thành đạt, chúc đại hội thành công.*

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành;
- Lưu Thư ký, BKS.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

**Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,**

**thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng**

**MSDN: 580000174**

*Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

## **TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 05**

### **Về việc thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cổ tức năm 2023 gồm các chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng doanh thu: 354.386.000.000 đồng
2. Doanh thu sản xuất chính: 269.481.000.000 đồng
3. Tỷ lệ thất thoát: 18%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế: 98.883.000.000 đồng
5. Cổ tức: 5,1% (510 đồng/cổ phần)

Tổng quỹ lương được thực hiện theo phụ lục số:05/1 đính kèm.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phan Đình Tân**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH  
NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024**

Stt	Chỉ Tiêu	Đvt	NĂM 2023 (SỐ LIỆU ĐÃ KIỂM TOÁN)				KẾ HOẠCH NĂM 2024		THUYẾT MINH KẾ HOẠCH 2024
			Kế hoạch theo NQ ĐHĐCĐ Thường niên 2023	Thực Hiện 2023	Tỉ lệ % TH/KH 2023	% Tăng/Giảm TH/KH 2023	Kế hoạch 2024	Tỉ lệ % KH 2024/TH 2023	
I.	THÔNG TIN CHUNG								
1	Nước sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	25 204	25 840	102.52	2.52	26 489	102.51	
	- Nước Công ty sản xuất	1.000 m <sup>3</sup>	12 794	14 927	116.67	16.67	14 079	94.32	Công ty giảm sản lượng sản xuất 4.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm để Cty CP Cấp Nước Tuyền Lâm tái cung cấp nước sạch cho Cty.
	- Nước mua Sài Gòn Đankia	1.000 m <sup>3</sup>	10 950	10 189	93.05	(6.95)	10 950	107.47	VB 7517/UBND-XD2 ngày 15/11/2019 điều chỉnh lộ trình, tiếp nhận nước của Công ty CP Đankia 2: Năm 2024 là 30.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm, với giá mua tăng 4% lên 6.132 đồng/m <sup>3</sup>
	- Nước mua Tuyền Lâm	1.000 m <sup>3</sup>	1 460	724	49.59	(50.41)	1 460	201.66	Cty CP Cấp Nước Tuyền Lâm chấm dứt hợp đồng mua bán nước sạch 56/HĐ-MBNS ngày 5/11/2021 vào ngày 12/06/2023. Kế hoạch năm 2024, Cty CP CNTL sẽ tái thương thảo bán nước sạch lại cho Cty.
2	Nước ghi thu- tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	20 414	21 189	103.80	3.80	21 722	102.51	Nước ghi thu tăng để đạt được tỷ lệ thất thoát nước 18%/năm
3	Tỷ lệ thất thoát	%	19	18.00	94.71	(5.29)	18	99.99	
4	Giá bán bình quân	Đồng/m <sup>3</sup>	12 544	12 718	101.38	1.38	13 026	102.43	
II.	TỔNG DOANH THU (1+2+3)	Tr đồng	330 642	354 386	107.18	7.18	355 302	100.26	
1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr đồng	285 885	297 054	103.91	3.91	311 263	104.78	
	- Kinh doanh nước sạch	Tr đồng	256 084	269 481	105.23	5.23	282 955	105.00	- Tăng giá nước theo QĐ số 59/2023/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND Tỉnh Lâm Đồng
	- Xây dựng, lắp đặt HTCN	Tr đồng	10 223	8 112	79.35	(20.65)	8 355	103.00	
	- Xử lý nước thải	Tr đồng	18 364	18 416	100.28	0.28	18 876	102.50	- Nước ghi thu tăng 2,5%, tương ứng khối lượng nước thải xử lý tăng 2,5%
	- Khác	Tr đồng	1 214	1 045	86.05	(13.95)	1 076	103.00	
2	Doanh thu hoạt động tài chính	Tr đồng	44 004	55 467	126.05	26.05	42 155	76.00	- Lãi suất tiền gửi ngân hàng bình quân hiện nay: 6,5%/1 năm (giảm so với lãi suất thực hiện năm 2023 bình quân 3,5%) - Kế hoạch thực hiện Dự án Tuyền ống D600 Tuyền Lâm từ vốn tự có: 133 tỷ. Giảm tiền gửi ngân hàng 133 tỷ, do đó giảm tiền lãi tiền gửi.
3	Doanh thu hoạt động khác	Tr đồng	752	1 865	247.86	147.86	1 884	101.00	
III.	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (1+2+3)	Tr đồng	73 856	98 883	133.89	33.89	85 722	86.69	
1	Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr đồng	29 851	43 112	144.42	44.42	43 567	101.06	

Stt	Chi Tiêu	Đvt	NĂM 2023 (SỐ LIỆU ĐÃ KIỂM TOÁN)				KẾ HOẠCH NĂM 2024		THUYẾT MINH KẾ HOẠCH 2024
			Kế hoạch theo NQ ĐHĐCĐ Thường niên 2023	Thực Hiện 2023	Tỉ lệ % TH/KH 2023	% Tăng/Giảm TH/KH 2023	Kế hoạch 2024	Tỉ lệ % KH 2024/TH 2023	
	- Kinh doanh nước sạch	Tr đồng	26 368	40 569	154	54	40 975	101.00	- Tăng giá nước theo QĐ số 59/2023/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND Tỉnh Lâm Đồng - Kế hoạch thực hiện dự án D600 Tàng Lâm từ vốn tự có: 133 tỷ. Giảm tiền gửi ngân hàng 133 tỷ. - Chi phí tiền điện tăng 4% mỗi 1 Quý trong năm 2024 - Khấu hao TSCĐ tăng 5,32 tỷ do đầu tư dự án Tuyến ống Tàng Lâm D600.
	- Xây dựng, lắp đặt HTCN	Tr đồng	1 696	993	58.54	(41.46)	1 013	102.00	
	- Xử lý nước thải	Tr đồng	1 464	1 424	97.29	(2.71)	1 452	102.00	- Lợi nhuận thực hiện trong định mức quy định của đơn giá được UBND phê duyệt.
	- Khác	Tr đồng	323	126	38.97	(61.03)	127	101.00	
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	Tr đồng	44 004	55 467	126.05	26.05	42 155	76.00	- Lãi suất tiền gửi ngân hàng bình quân hiện nay: 6,5%/1 năm (giảm so với lãi suất thực hiện năm 2023 bình quân 3,5%) - Kế hoạch thực hiện Dự án Tuyến ống D600 Tàng Lâm từ vốn tự có: 133 tỷ. Giảm tiền gửi ngân hàng 133 tỷ, do đó giảm tiền lãi tiền gửi.
3	Lợi nhuận hoạt động khác	Tr đồng	-	304	-	-	-	-	
IV.	TỔNG CHI PHÍ (1+2+3)	Tr đồng	256 786	255 503	99.50	(0.50)	269 580	105.51	- Tổng chi phí trong năm tăng: 14,077 tỷ (+5,51%)
1	Tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr đồng	256 033	253 942	99.18	(0.82)	267 696	105.42	- Tổng chi phí kinh doanh tăng: 13,754 tỷ (+5,42%)
1.1	- Kinh doanh nước sạch	Tr đồng	229 716	228 912	99.65	(0.35)	241 980	105.71	- Chi phí kinh doanh nước sạch tăng: 13,754 tỷ (+5,42%) - Tăng chi phí mua nước do giá mua nước của Công ty CP Sài Gòn Đankia 2 tháng 12/2023 thêm 4% so với năm 2022 với giá 6.132 đồng/m3 - Chi phí lãi vay phải trả trong năm tính vào giá thành sản xuất nước: 15,3 tỷ đồng/năm - Chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí sửa chữa lớn trong năm cao: 40,97 tỷ đồng/năm - Chi phí điện năng tăng theo chu kỳ 4% mỗi Quý trong năm 2024
1.2	- Xây dựng, lắp đặt HTCN	Tr đồng	8 526	7 119	83.49	(16.51)	7 343	103.14	- Chi phí XDDB tăng: 0,224 tỷ (+3,14%)
1.3	- Xử lý nước thải	Tr đồng	16 900	16 992	100.54	0.54	17 424	102.54	- Chi phí xử lý nước thải tăng: 0,432 tỷ (+2,54%)
1.4	- Khác	Tr đồng	891	919	103.14	3.14	949	103.27	- Chi phí khác tăng: 0,024 tỷ (+3,35%).
2	Tổng chi phí hoạt động tài chính	Tr đồng	-	-	-	-	-	-	
3	Tổng chi phí hoạt động khác	Tr đồng	752	1 561	207.46	107.46	1 884	120.67	- Tổng chi phí khác tăng: 323 triệu (+20,67%).
V.	TỔNG QUỸ TIỀN LƯƠNG	Tr đồng	50 251	50 251	100.00	-	52 115	103.71	
1	Tổng quỹ tiền lương CB-CNV	Tr đồng	48 311	48 311	100.00	-	50 092	103.69	- Quỹ lương CBCNV kế hoạch 2024 tăng 1,806 tỷ (+3,74%) so với thực hiện 2023. - Quỹ lương thực hiện năm 2024 được hưởng theo kết quả hoạt động kinh doanh đạt so với kế hoạch.
	- Quỹ lương sản xuất nước	Tr đồng	32 661	32 096	98.27	(1.73)	33 491	104.34	118,36*doanh thu nước/1.000 đồng doanh thu

0000  
CÔNG  
CỔ PH  
THOÁ  
LÂM Đ  
47-T  
2

Stt	Chi Tiêu	Đvt	NĂM 2023 (SỐ LIỆU ĐÃ KIỂM TOÁN)				KẾ HOẠCH NĂM 2024		THUYẾT MINH KẾ HOẠCH 2024
			Kế hoạch theo NQ ĐHĐCĐ Thường niên 2023	Thực Hiện 2023	Tỉ lệ % TH/KH 2023	% Tăng/Giảm TH/KH 2023	Kế hoạch 2024	Tỉ lệ % KH 2024/TH 2023	
	- Quỹ lương xây dựng cơ bản, khác...	Tr đồng	6 299	5 985	95.02	(4.98)	6 135	102.50	- Quyết toán nguồn lương XD/CB thực hiện năm 2024 được hưởng gồm nguồn lương đạt kế hoạch và phần phát sinh thêm khi thực hiện các công trình XD/CB khác được quyết toán trong năm 2024.
	- Quỹ lương xử lý nước thải	Tr đồng	9 351	10 230	109.40	9.40	10 466	102.31	3.161,68 * số m3 nước thải xử lý thực hiện
2	Tổng quỹ tiền lương ban điều hành	Tr đồng	1 940	1 940	100.00	-	2 023	104.30	- Quỹ lương BDH gồm 04 người. Tuy nhiên, hiện nay BDH Công ty chỉ còn 03 người. - Kế hoạch Quỹ lương BDH 2024 tăng 83 triệu đồng (+4,3%) so với thực hiện 2023. - Quyết toán Quỹ lương thực hiện năm 2024 được hưởng theo kết quả hoạt động kinh doanh thực tế đạt so với kế hoạch. - 6,50 đồng * tổng doanh thu thực hiện/1.000 đồng

**Ghi chú**

- Trong năm kế hoạch 2024, trường hợp lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm xuống dưới mức lãi suất cho vay của ngân hàng thế giới (6,95%) thì Công ty chủ động xin ý kiến HĐQT trả gốc vay dự án Cấp nước (186 tỷ đồng)

- Chi phí lãi vay của DA Cấp Nước Đà Lạt đang được theo dõi hạch toán vào giá thành nước: 13,9 tỷ đồng/1 năm.

TP. KẾ HOẠCH KINH DOANH

Trần Hoàng

TP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Bùi Hoàng Lương Vĩ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hưng Cường







**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

**Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,**

**thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng**

**MSDN: 5800000174**

*Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 4 năm 2024*

## **TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 06**

**Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự kiến mức cổ tức năm 2024**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự kiến mức cổ tức năm 2024 gồm các chỉ tiêu chính như sau:

1. Tổng doanh thu: 355.302.000.000 đồng
2. Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh: 311.263.000.000 đồng
3. Tỷ lệ thất thoát: 18%
4. Tổng lợi nhuận trước thuế: 85.722.000.000 đồng
5. Cổ tức:  $\geq 4,35\%$  ( $\geq 435$  đồng/cổ phần)
  - Tổng quỹ lương được thực hiện theo phụ lục số: 05/1 đính kèm (nguồn lương thực hiện được quyết toán thực tế trong năm 2024).
  - Kế hoạch đầu tư XD/CB xem phụ lục 06/2 đính kèm.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phan Đình Tân**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Số: 27 /TTr-CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 22 tháng 03 năm 2024.

## TỜ TRÌNH

Thuyết minh Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024.

Kính gửi: : Hội đồng Quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, họp lần 01 năm 2024.

Căn cứ vào nguồn vốn khấu hao tài sản cố định và nguồn quỹ đầu tư phát triển của Công ty năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản ("XDCB") tại các Đơn vị thành viên trực thuộc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng năm 2024.

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình lên Hội đồng quản trị ("HĐQT") việc lập Kế hoạch và thuyết minh Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024 (Bảng Kế hoạch đầu tư XDCB năm 2024 chi tiết đính kèm), với nội dung như sau:

### A. DANH MỤC CÔNG TRÌNH XDCB ĐẦU TƯ MỚI 2024.

Tổng giá trị đầu tư là 174,399 tỷ (VNĐ).

I. Danh mục các công trình đầu tư năm 2023 chuyển sang 2024. Giá trị: 23,776 tỷ.

#### 1. Địa bàn thành phố Đà Lạt. Giá trị: 18,126 tỷ.

1.1. Nhà máy nước Đà Lạt. Tổng giá trị đầu tư: 0,773 tỷ.

- Lắp bổ sung tuyến ống nước thô D500 tại Nhà máy nước Đankia – Suối Vàng, giá trị đầu tư: 0,32 tỷ;

- Trang bị Palăng 3 tấn và gia công lắp đặt giàn đỡ Palăng – Nhà máy nước Đa Thiện, giá trị đầu tư: 0,05 tỷ ;

- Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại – Nhà máy nước Đa Thiện, giá trị đầu tư 0,1 tỷ (để đủ điều kiện xin cấp Giấy phép bảo vệ môi trường theo qui định của Luật Bảo vệ môi trường);

- Lắp đặt máy ép bùn – Nhà máy nước Đa Thiện, giá trị đầu tư 0,303 tỷ (thực hiện theo cam kết đánh giá tác động môi trường).

1.2. Mạng lưới cấp nước thành phố Đà Lạt:

Cải tạo, lắp đặt mạng lưới cấp nước tại thành phố Đà Lạt với tổng giá trị đầu tư là 17,353 tỷ đồng. Bao gồm các tuyến ống trên các tuyến đường sau:

- Tuyến ống HDPE D125mm đèo Nguyễn Hữu Cảnh, giá trị đầu tư: 0,684 tỷ;

- Tuyến ống HDPE D180mm Phát Chi, giá trị đầu tư: 5,472 tỷ;

- Xây dựng trạm bơm tăng áp thôn Trường Thọ, giá trị đầu tư: 0,3 tỷ ;
- Lắp tuyến D250 HDPE từ NMN Đa Thiện lên bể chứa Mộng Mơ), giá trị đầu tư : 1,62 tỷ ;
- Lắp bổ sung tuyến ống D180 HDPE Nguyên Tử Lực, giá trị: 1,71 tỷ ;
- Lắp mới các tuyến ống HDPE 110 đường An Bình, giá trị đầu tư 0,765 tỷ ;
- Lắp mới D110 HDPE đường Cách Mạng Tháng Tám, giá trị: 0,072 tỷ ;
- Lập hồ sơ dự án lắp mới tuyến ống chuyển tải D600mm từ NMN Đankia đến bể Tùng Lâm, giá trị đầu tư : 0,43 tỷ ;
- Lắp đặt tuyến ống D250 khu thác Prenn, giá trị đầu tư 6 tỷ ;
- Xây dựng trạm bơm tăng áp đồi Mẫu Tâm, giá trị đầu tư 0,3 tỷ.

### **2. Địa bàn huyện Đa Huoai. Giá trị: 0,5 tỷ.**

- Xây dựng và lắp đặt hệ thống bơm tuần hoàn cho bể lắng bùn, giá trị đầu tư: 0,5 tỷ. *(thực hiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường – Chất thải trong quá trình sản xuất phải được xử lý trước khi thải ra môi trường).*

### **3. Nhà máy nước Lâm Hà. Giá trị: 5,15 tỷ.**

- Xây dựng mới cụm xử lý công suất 3000 m<sup>3</sup>/ngđ (Lắng Lamcn, lọc nhanh đan lọc HDPE), giá trị đầu tư: 5 tỷ.
- Lắp đặt hệ thống bơm tuần hoàn cho bể lắng bùn nhà máy nước Đình Vãn, giá trị đầu tư: 0,15 tỷ *(thực hiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường – Chất thải trong quá trình sản xuất phải được xử lý trước khi thải ra môi trường, vì hiện tại nhà máy chưa có bể lắng bùn. Sau khi xây dựng mới cụm xử lý sẽ sử dụng bể lắng hiện hữu làm bể lắng bùn).*

Hệ thống xử lý nước hiện nay không đảm bảo xử lý được chất thải trong quá trình sản xuất.

## **II. Danh mục các công trình đầu tư năm 2024. Giá trị: 150,624 tỷ.**

Thực hiện các Văn bản chỉ đạo số 10045/KH-UBND ngày 30/12/2022 và Văn bản số 2180/UBND-TL ngày 20/03/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng, về phát triển và đảm bảo an toàn cấp nước đô thị tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025; Văn bản số 38/STNMT-KS&TNN ngày 04/01/2023 của Sở TN&MT tỉnh Lâm Đồng; Văn bản số 1547/UBND-TN ngày 16/3/2023 của UBND thành phố Đà Lạt về Đảm bảo triển khai kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Năm 2024, Công ty lắp đặt mới, thay thế một số tuyến ống cấp nước, gồm các tuyến ống cấp nước cụ thể :

### **1. Địa bàn thành phố Đà Lạt. Giá trị: 142,274 tỷ.**

#### **1.1. Nhà máy nước Đà Lạt. Giá trị : 2,704 tỷ.**

- Lắp máy ép bùn nhà máy nước Đankia, giá trị đầu tư : 1,513 tỷ
- Xây thêm bể chứa 300 m<sup>3</sup> nhà máy nước Hồ Than Thở, giá trị: 0,5 tỷ.
- Nhà máy nước Phát chi, giá trị đầu tư : 0,691 tỷ
- + Đồ bê tông sân nền, khuôn viên nhà máy, giá trị đầu tư : 0,28 tỷ

- + Xây dựng mái che khu xử lý, giá trị đầu tư : 0,303 tỷ
- + Sửa chữa, chống thấm 02 bể lắng bùn, giá trị đầu tư : 0,108 tỷ.

### 1.2. Mạng lưới cấp nước. Giá trị: 138,070 tỷ.

- Lắp đặt tuyến ống D600 từ NMN Đan Kia lên bể chứa Tùng Lâm và xây dựng Trạm bơm tăng áp Măng Lin, giá trị đầu tư: 134 tỷ. Thời gian thực hiện dự kiến: Từ Quý 02/2024 đến năm 2025.

Do quá tải đường ống chuyên tải D600 từ Nhà máy nước Đan Kia-Suối Vàng (Đan Kia I) lên đến bể chứa nước 5.000 m<sup>3</sup> Tùng Lâm nên trong dịp Tết Nguyên đán năm 2024, dù các nhà máy đã hoạt động hết công suất nhưng tình hình thiếu hụt nước tại thành phố Đà Lạt và một phần huyện Lạc Dương vẫn xảy ra. Để đảm bảo cấp nước an toàn cho thành phố Đà Lạt, một phần huyện Lạc Dương và thuận lợi cho việc nâng công suất NMN Đan Kia lên 49.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, Công ty thực hiện đầu tư lắp đặt tuyến ống D600 từ NMN Đan Kia lên bể chứa Tùng Lâm và xây dựng Trạm bơm tăng áp tại bể chứa Măng Lin.

Thực hiện các Văn bản chỉ đạo số 2180/UBND-TL ngày 20/03/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng, về phát triển và đảm bảo an toàn cấp nước đô thị tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025 và Văn bản số 447/SXD-HTKT ngày 11/03/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng, Công ty đề xuất phương án triển khai thực hiện như sau:

+ Công ty sẽ tiến hành thương thảo việc mua bán nước sạch với Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm, với sản lượng nước bán buôn là 4.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và giá thương thảo sẽ là 6.132 Đồng/m<sup>3</sup> (Sáu ngàn một trăm ba mươi hai đồng chẵn, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) bằng Giá bán buôn nước sạch với Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia. Nếu việc thương thảo thành công thì sẽ tiến hành thực hiện việc đầu tư Lắp đặt tuyến ống D600 từ NMN Đan Kia lên bể chứa Tùng Lâm và xây dựng Trạm bơm tăng áp Măng Lin vào năm 2025;

+ Trường hợp thương thảo việc mua bán nước sạch với Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm không thành công, sẽ xem xét đến việc mua lại Dự án NMN Tuyên Lâm của Công ty Cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm và trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định. Nếu việc mua lại Dự án NMN Tuyên Lâm thành công thì sẽ không tiến hành thực hiện việc đầu tư Lắp đặt tuyến ống D600 từ NMN Đan Kia lên bể chứa Tùng Lâm và xây dựng Trạm bơm tăng áp Măng Lin trong thời gian này nữa mà sẽ tiến hành khi nhu cầu sử dụng trên mạng lưới của hệ thống cấp nước trên địa bàn thành phố Đà Lạt và một phần huyện Lạc Dương đến hạn quá tải hoặc tuyến ống thép D600 hiện hữu không thể sử dụng được;

- Tuyến D150 HDPE đường Khe Sanh, Nguyễn Trung Trực, giá trị đầu tư 2,52 tỷ đồng ; Tuyến D100 đường Vạn Kiếp, giá trị đầu tư 0,35 tỷ đồng ;
- Tuyến D150 HDPE Lạc Dương, giá trị đầu tư 1,2 tỷ đồng ;

### 1.3. Văn phòng Công ty

- Mua xe tải 5 tấn, giá trị đầu tư : 1,5 tỷ.

Công ty chưa có xe tải cầu, trước nay Công ty vẫn đang sử dụng chung xe với Xí nghiệp Quản lý nước thải. Tuy nhiên, hiện nay, Trung tâm Quản lý đầu tư & khai thác công trình Thủy lợi Đà Lạt (chủ sở hữu Hệ thống xử lý nước thải tập

trung TP Đà Lạt) không đồng ý để Công ty sử dụng chung xe tải cầu này. Nên Công ty đầu tư mua xe để phục vụ công tác thi công, sửa chữa các công trình cấp nước của Công ty.

## 2. Địa bàn huyện. Giá trị đầu tư : 8,35 tỷ.

### 2.1. TT Đạ Huoai :

- Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D125 tính lộ 721 đến khu tái định cư xã Đạ Oai - huyện Đạ Huoai (~ 6 Km), giá trị đầu tư 4,7 tỷ.

Theo nội dung Văn bản số 16/BQLDA của Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đạ Huoai, V/v Đấu nối HTCN cho khu dân cư, tái định cư xã Đạ Oai phục vụ dự án xây dựng đường cao tốc Tân Phú (Đồng Nai) - Bảo Lộc (Lâm Đồng). Ngoài việc cấp nước đây còn là công trình mang ý nghĩa về kinh tế và chính trị của địa phương nói riêng và tỉnh Lâm Đồng nói chung.

### 2.2. TT Đạ M'ri :

- Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D160 (nước tự chảy) từ Suối đá lạnh xã Đạ M'ri về NMN Đạ M'ri - thị trấn Đạ M'ri - huyện Đạ Huoai (~ 3,5Km), giá trị đầu tư : 3,65 tỷ.

Nhà máy nước Đạ M'ri đang khai thác nguồn nước thô tại suối Đạ M'rê, nguồn nước thô này không ổn định, thay đổi theo mùa, thường hết nước vào mùa nắng, nước đục vào mùa mưa. Thêm nữa, hệ thống xử lý tại NMN Đạ M'ri là dùng bể lọc chậm nên gặp khó khăn trong công tác sản xuất. Nên việc sử dụng thêm nguồn nước tự chảy từ Suối đá lạnh về rất cần thiết và mang lại lợi ích về kinh tế (*không phải dùng bơm*) và nguồn nước đảm bảo chất lượng, việc sản xuất của nhà máy sẽ được ổn định cũng như việc cấp nước cho khách hàng trên địa bàn thị trấn Đạ M'ri.

## B. DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2024

Giá trị đầu tư: 10,475 tỷ (VNĐ).

### I. Danh mục các công trình sửa chữa lớn năm 2023 chuyển sang 2024. Giá trị: 3,217 tỷ, trong đó:

#### 1. Địa bàn thành phố Đà Lạt. Giá trị: 1,947 tỷ, trong đó:

##### 1.1. Nhà máy nước Đà Lạt. Giá trị : 1,810 tỷ.

##### 1.1.1. Nhà máy nước Đạ M'ri. Giá trị đầu tư : 1,150 tỷ.

- Sơn lại nhà, trạm, công trình xử lý, công và hàng rào NMN Đạ M'ri. Giá trị đầu tư: 0,4 tỷ;

- Bù vật liệu lọc hao hụt cho 03 bể lọc còn lại (bể 1-3-5). Giá trị: 0,550 tỷ;

- Tháo gỡ vách ngăn bằng thép giữa 2 hồ thu của TB cấp 1. Giá trị: 0,05 tỷ.

- Sửa chữa van 1 chiều bơm C1 số 5, giá trị đầu tư : 0,15 tỷ.

##### 1.1.2. Nhà máy nước Hồ Than Thở: Giá trị : 0,20 tỷ.

- Sơn lại công trình xử lý nước (cụm bể trộn, bể lắng...). Giá trị: 0,08 tỷ.

- Sửa chữa, chống thấm bể chứa bùn. Giá trị đầu tư: 0,087 tỷ.

- Thay vật liệu lọc cho bể lọc. Giá trị đầu tư: 0,033 tỷ.

1.1.3. Trạm bơm Chiến Thắng: thay lưới chắn rác hòng thu inox 304, giá trị đầu tư: 0,04 tỷ.

1.1.4. Nhà máy nước Phát Chi: Thay thế bơm cấp II, giá trị đầu tư: 0,325 tỷ.

1.1.5. Trạm tăng áp Hùng Vương: Thay van phao D300 nước vào bể chứa nước sạch trạm bơm tăng áp Hùng Vương. Giá trị đầu tư: 0,095 tỷ.

1.2. Mạng lưới cấp nước. Giá trị : 0,138 tỷ.

Cải tạo tuyến ống HDPE D63-32-25 đường Mai Xuân Thưởng, giá trị: 0,138 tỷ.

## 2. Địa bàn huyện Đơn Dương.

Chống thấm cho công trình thu nước D'Ran, giá trị đầu tư : 0,038 tỷ.

## 3. Địa bàn huyện Lâm Hà. Giá trị đầu tư : 0,565 tỷ.

3.1. Thị trấn Đình Văn. Giá trị: 0.466 tỷ.

+ Sơn sửa và chống thấm lại nhà điều hành, giá trị đầu tư: 0,051 tỷ;

+ Sửa chữa phòng thí nghiệm, giá trị : 0,04 tỷ ;

+ Cải tạo các tuyến ống HDPE: D40mm TDP Sernhac (hẻm Long Hương), giá trị đầu tư: 0,09 tỷ; HDPE D63mm đường Lê Văn Tám, giá trị đầu tư 0,075 tỷ; hẻm Bà Nụ - Sơn Hà, giá trị đầu tư: 0,12 tỷ; D63mm hẻm K'Duyên, giá trị: 0,09 tỷ;

3.2. Thị trấn Tân Hà. Giá trị đầu tư : 0,099 tỷ.

- Chống thấm bể lắng bùn nhà máy nước Tân Hà, giá trị đầu tư: 0,049 tỷ;

- Sửa chữa bể lọc Tân Hà, giá trị đầu tư: 0,05 tỷ.

## 4. Địa bàn huyện Đam Rông.

Sơn hàng rào, nhà trạm, giá trị đầu tư: 0,177 tỷ.

5. Địa bàn huyện Bảo Lâm. Cải tạo nhà vệ sinh văn phòng và 6 trạm bơm, giá trị đầu tư: 0,49 tỷ.

## II. Danh mục các công trình sửa chữa lớn năm 2024. Giá trị: 3,215 tỷ.

Chủ yếu tập trung vào việc sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị tại các nhà máy nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất và cải tạo các tuyến ống trên địa bàn thành phố Đà Lạt theo kế hoạch cải tạo đường giao thông, thay thế các tuyến ống cũ mục nhằm đảm bảo cấp nước cho khách hàng. Cụ thể như sau:

### 1. Địa bàn thành phố Đà Lạt. Giá trị: 0,64 tỷ, trong đó :

1.1. Nhà máy nước Đà Lạt. Giá trị : 0,64 tỷ.

- Nhà máy nước Đa Thiện : Thay thế, bổ sung vật liệu lọc, giá trị: 0,005 tỷ ;

- Nhà máy nước Than Thở :

+ Di dời tủ điều khiển nhà hoá chất về nhà lọc, giá trị đầu tư : 0,03 tỷ ;

+ Lắp máy ép bùn, giá trị đầu tư : 0,605 tỷ ;

### 2. Địa bàn huyện Đơn Dương. Giá trị : 0,397 tỷ.

2.1. TT Thanh Mỹ :

- Sơn sửa kiến trúc nhà trạm, giá trị đầu tư : 0,137 tỷ ;

2.2. TT Đ'ran, giá trị đầu tư 0,260 tỷ :

- Thay thế ống thép D200 qua cầu Đ'ran, giá trị đầu tư : 0,12 tỷ ;

- Thay thế ống thép D180 qua cầu Đ'ran, giá trị đầu tư : 0,12 tỷ ;

- Trang bị trạm bơm tăng áp clo tiền, giá trị đầu tư : 0,02 tỷ.

**3. Nhà máy nước Lâm Hà. Giá trị 0,05 tỷ.**

- Nhà máy nước Tân Hà: Sửa chữa kiến trúc nhà điều hành Nhà máy nước Tân Hà, giá trị đầu tư: 0,05 tỷ.

**4. Nhà máy nước Bảo Lâm. Giá trị đầu tư : 0,3 tỷ.**

Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện từ + Cello: 03 cụm), giá trị đầu tư: 0,3 tỷ.

**5. Nhà máy nước Đạ Huoai. Giá trị 0,73 tỷ.**

5.1. TT Đạm ri:

- Sơn sửa lại nhà máy (Nhà trạm đã xuống cấp), giá trị đầu tư: 0,226 tỷ;

5.2. TT Madaguoi:

- Lắp đặt tuyến ống D63-32 đường Hùng Vương (bên phải từ Lê Hồng Phong đi về hướng Tp.HCM), giá trị đầu tư: 0,28 tỷ;

- Lắp đặt tuyến ống D63-32 đường Hùng Vương (bên trái từ Lê Hồng Phong đi về hướng Tp.HCM), giá trị đầu tư: 0,224 tỷ;

**6. Nhà máy nước Đạ Tẻh. Giá trị: 1,098 tỷ.**

- Sơn sửa, chống thấm văn phòng nhà máy (đã xuống cấp), giá trị: 0,37 tỷ;

- Lắp đặt tuyến ống D63 đường Phạm Ngọc Thạch (bên trái từ Bàu Xì đến PCCC), giá trị đầu tư: 0,448 tỷ;

- Lắp đặt tuyến ống D63 đường Nguyễn Tất Thành (hai bên từ 3/2 đến Phạm Ngọc Thạch), giá trị đầu tư : 0,28 tỷ;

**III. Danh mục các công trình thực hiện theo kế hoạch quản lý, phòng và chống thất thoát toàn Công ty. Giá trị: 4,042 tỷ.**

**1. Địa bàn thành phố Đà Lạt. Giá trị: 1,965 tỷ.**

- Lắp 5 cụm van giảm áp để kiểm soát áp lực trên mạng lưới, giá trị: 0,25 tỷ ;

- Sửa chữa, di dời 5 cụm DMA, giá trị đầu tư: 0,25 tỷ ;

- Đấu nối tăng nguồn cho 20 khu vực D63-32-25, giá trị đầu tư: 0,336 tỷ ;

- Thay thế cho 30 đoạn ống D63-32-25, giá trị đầu tư : 0,84 tỷ ;

- Lắp 3 cụm đồng hồ D15-25 theo dõi thất thoát, giá trị đầu tư : 0,03 tỷ ;

- Cải tạo tuyến ống HDPE D140 đoạn từ trường TH Cầu Đất, xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt, giá trị đầu tư : 0,259 tỷ ;

**2. Địa bàn huyện Đơn Dương. Giá trị 0,440 tỷ.**

- Cài tạo D63-25 chống thất thoát Thạnh Mỹ. Giá trị : 0,084 tỷ.
- Cài tạo D63-25 chống thất thoát D'Ran. Giá trị : 0,056 tỷ.
- Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện từ + Cello: 06 cụm ) nhà máy nước Thạnh Mỹ và Đ'Ran. Giá trị : 0,3 tỷ.

**3. Địa bàn huyện Lâm Hà. Giá trị : 0,46 tỷ.**

- Cài tạo D63-25 chống thất thoát Đình Văn, giá trị đầu tư : 0,084 tỷ ;
- Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện từ + Cello : 06 cụm) Đình Văn, giá trị: 0,3 tỷ ;
- Cài tạo D63-25 chống thất thoát Tân Hà, giá trị đầu tư : 0,056 tỷ ;
- Lắp đồng hồ D15-25 theo dõi thất thoát khu vực nhà máy nước Tân Hà, giá trị đầu tư : 0,02 tỷ ;

**4. Địa bàn huyện Bảo Lâm. Giá trị: 0,716 tỷ.**

- Cài tạo tuyến ống D40-32 thôn 1, xã Lộc Ngãi, giá trị đầu tư : 0,286 tỷ ;
- Cài tạo tuyến ống D63-25 chống thất thoát, giá trị đầu tư : 0,28 tỷ ;
- Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện từ + Cello), giá trị đầu tư : 0,15 tỷ

**5. Địa bàn huyện Đạ Huoai. Giá trị 0,198 tỷ.**

- Cài tạo ống D63-25 HDPE chống thất thoát Đạ M'ri, Madaguôi, giá trị: 0,168 tỷ.
- Lắp đồng hồ D15-25 theo dõi thất thoát khu vực Madaguoi. Giá trị : 0,03 tỷ.

**7. Địa bàn huyện Đạ Tẻh. Giá trị: 0,264 tỷ.**

- Cài tạo tuyến ống D63-25 chống thất thoát. Giá trị: 0,084 tỷ.
- Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện từ + Cello). Giá trị : 0,15 tỷ
- Trang bị bàn phòng họp dài 2m. Giá trị : 0,03 tỷ.

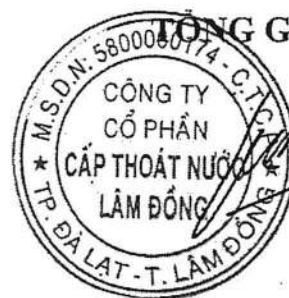
(Đính kèm Bảng tổng hợp các hạng mục công trình đầu tư XDCB 2024).

Trên đây là thuyết minh về Kế hoạch đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng, kính trình Hội đồng Quản trị Công ty xem xét quyết định để triển khai thực hiện.

Trân Trọng !

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Điều hành C.ty (theo dõi);
- Ban Kiểm soát C.ty (theo dõi);
- Các Phòng chức năng C.ty;
- Các Đơn vị thành viên;
- Lưu VT.



*Nguyễn Hùng Cường*



CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024  
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ MỚI  
TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
(Kèm theo Tờ trình số: 27 /TTr-CTN, ngày 22 /3/2024 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng)

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Lập HS	Thi công	
A	CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TỪ NĂM 2023 QUA NĂM 2024								
I	THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT								
1	Nhà máy nước								
1,1	Nhà máy Đan Kia								
a	Lắp bổ sung tuyến ống nước thô D500 - Trạm bơm cấp I	100m	1,6	0,200	0,320	0,320	QI	QII	Tiếp tục triển khai
1,2	Nhà máy Đa Thiện								
a	Trang bị và gia công lắp đặt giàn đỡ Pa Lãng 3 tầng-bơm cấp I	HM	1	0,050	0,050	0,050	QI	QII	Tiếp tục triển khai
b	Làm kho chứa chất thải nguy hại	HM	1	0,100	0,100	0,100	QI	QII	Tiếp tục triển khai
c	Lắp đặt máy ép bùn	HM	1	0,303	0,303	0,303	QI	QII	Tiếp tục triển khai
2	Mạng lưới cấp nước								
a	Cải tạo hệ thống cấp nước - các điểm bất lợi thiếu nước: Đồi Nguyễn Hữu Cảnh: Tuyến ống HDPE D125	100m	5,42	0,126	0,684	0,684	Có hồ sơ		Chưa thi công (kết hợp làm đường GT)
b	Lắp đặt tuyến ống D180 HDPE Phát Chi-Trạm Hành	100m	48,00	0,114	5,472	5,472			Chờ thỏa thuận xin cấp giấy phép thi công
c	XD trạm Bơm tăng áp thôn Trường Thọ	HM	1,00	0,300	0,300	0,300			
d	Lắp đặt tuyến ống D250 NMN Đa Thiện - bể Mộng Mơ	100m	9,00	0,180	1,620	1,620		QI	Đã hoàn thành
đ	Lắp đặt tuyến ống HDPE D180 Nguyễn Tử Lục	100m	15,00	0,114	1,710	1,710	QI	QII	
e	Lắp đặt tuyến ống HDPE D110 Đường An Bình	100m	8,50	0,090	0,765	0,765	QI	QII	
g	Lắp đặt tuyến ống HDPE D110 đường Cách Mạng Tháng Tám	100m	0,80	0,090	0,072	0,072	Có hồ sơ		Chờ Giấy phép thi công
h	Lập báo cáo NCKT LĐ tuyến ống D600 từ NMN Đan Kia đến bể chứa Tùng Lâm	HM	1,00	0,430	0,430	0,430		QI	Đã hoàn thành, đang xin chủ trương đầu tư
i	Lắp D125 HDPE khu dân cư phường 3, Tp Đà Lạt (đường Mimoso)	100m	90,00	0,067	6,000	6,000		QI	Đã hoàn thành
k	Bơm tăng áp khu Mẫu Tâm	HM	1,00	0,300	0,300	0,300	Có hồ sơ		Chờ thỏa thuận vị trí đất đặt trạm bơm
II	NMN ĐÀ HUOAI								
					0,500	0,500			

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Lập HS	Thi công	
I	<i>Thị trấn Đa M'ri</i>				0,500	0,500			
a	Bể lắng bùn + bom tuần hoàn	HM	1	0,500	0,500	0,500	QI	QII	
III	<b>NHÀ MÁY NƯỚC LÂM HÀ</b>				5,150	5,150			
I	<b>Đỉnh Văn</b>				5,150	5,150			
a	XD mới cụm xử lý công suất 3000 m3/ngđ (Lắng Lamén, lọc nhanh đan lọc HDPE)	HM	1,00	5,000	5,000	5,000	QII	QIII	
b	Lắp đặt hệ thống bom tuần hoàn cho bể lắng bùn	HM	1,00	0,150	0,150	0,150			Kết hợp thực hiện khi hoàn thành cụm xử lý mới
				<b>TỔ</b>	<b>23,776</b>	<b>23,776</b>			
B	<b>CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2024</b>								
I	<b>THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>				142,274	142,274			
1	<b>Nhà máy nước</b>				2,704	2,704			
1.1	<i>Nhà máy nước Đankia</i>				1,513	1,513			
a	Lắp máy ép bùn	HT	1,00	1,513	1,513	1,513	QII	QIII	
1.2	<i>Nhà máy nước Hồ Than Thở</i>				0,500	0,500			
a	Xây thêm bể chứa 300 m3	HM	1,00	0,500	0,500	0,500	QII	QII	
1.3	<i>Nhà máy nước Phát Chi</i>				0,691	0,691			
1.3.1	Đổ bê tông sân nền, khuôn viên nhà máy	HM	1,00	0,280	0,280	0,280	QII	QII	
1.3.2	Xây dựng mái che khu xử lý	HM	1,00	0,303	0,303	0,303	QII	QII	
1.3.3	Sửa chữa, chống thấm 02 bể lắng bùn	HM	1,00	0,108	0,108	0,108	Có hồ sơ	QII	
2	<b>Mạng lưới cấp nước</b>				138,070	138,070			
2.1	Lắp đặt tuyến ống D600 từ NMN Đan Kìa lên bể chứa Tùng Lâm và XD Trạm bơm tăng áp MăngLin ( <i>Để nâng công suất NMN Đan Kìa lên 49.000 m3/ngày đêm, đảm bảo cấp nước an toàn cho thành phố Đà Lạt và một phần huyện Lạc Dương</i> )	HM	1,00	134,000	134,000	134,000	QII	QIII	Đảm bảo cấp nước an toàn cho TP Đà Lạt và huyện Lạc Dương theo các Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng và TP Đà Lạt
	<u>Giai đoạn 1:</u> Lắp đặt tuyến ống D600 từ NMN Đan Kìa đến bể chứa Măng Lin và XD Trạm bơm tăng áp Măng Lin								
2.2	Lắp đặt tuyến ống D150 đường Khe Sanh	100m	15,00	0,120	1,800	1,800	QII	QIII	Lắp bổ sung đoạn đầu
2.3	Lắp đặt tuyến ống D150 Nguyễn Trung Trực	100m	6,00	0,120	0,720	0,720	QII	QIII	Hệ thống đang quá tải
2.4	Lắp đặt tuyến ống D100 cuối đường Vạn Kiếp	100m	3,50	0,100	0,350	0,350	QII	QIII	Đầu nổi vòng hệ thống
2.5	Lắp đặt tuyến ống D150 Lạc Dương	100m	10,00	0,120	1,200	1,200	QII	QIII	Đang quá tải
3	<b>Văn phòng Công ty</b>				1,500	1,500			
3.1	Mua xe tải 3,5 tấn có gắn cần cẩu	Chiếc	1,00	1,500	1,500	1,500		QII	Thi công, sửa chữa các công trình cấp nước của Công ty
II	<b>Các Huyện</b>				8,350	8,350			
1	<b>Nhà máy nước Đa Huoai</b>				8,350	8,350			

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Lập HS	Thi công	
1.1	LĐ tuyến ống cấp nước HDPE D125 tính lộ 721 đến khu tái định cư xã Đạ Oai - huyện Đạ Huoai (~ 6 Km)	HT	1,00	4,700	4,700	4,700	QII	QII	Đầu nối HTCN cho khu dân cư, tái định cư xã Đạ Oai phục vụ dự án XD đường cao tốc Tân Phú (Đồng Nai) - Bảo Lộc (Lâm Đồng).
1.2	LĐ tuyến ống cấp nước HDPE D160 (nước tự chảy) Suối đá lạnh xã Đạ M'ri về NMN Đạ M'ri - thị trấn Đạm Ri - huyện Đạ Huoai (~ 3,5Km)	HT	1,00	3,650	3,650	3,650	QII	QII	Phục vụ sản xuất nước sạch cung cấp cho thị trấn Đạm Ri, vì nguồn cấp nước thô đang khai thác tại suối Đạ M'ri không ổn định (hết nước vào mùa nắng, nước đục vào mùa mưa)
<b>TỔNG HẠNG MỤC B</b>					<b>150,624</b>	<b>150,624</b>			
<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>					<b>174,399</b>	<b>174,399</b>			

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi bốn tỷ ba trăm chín mươi chín triệu đồng./.)

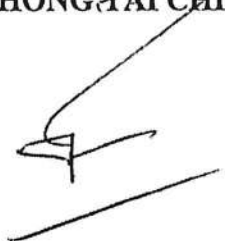
Đà Lạt, ngày 22 tháng 3 năm 2024.

PHÒNG KẾ HOẠCH-KINH DOANH

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN

TỔNG GIÁM ĐỐC

  
Trần Hoàng





  
Nguyễn Hưng Cường

**Nơi nhận:**

- Hội đồng Quản trị Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Các Phòng chức năng Cty;
- Các Đơn vị TV;
- Lưu VT.

Bùi Hoàng Cường Vi

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024  
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN VÀ CHỐNG THẮT THOÁT  
TẠI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
(Kèm theo Tờ trình số: 27 /TTr-CTN, ngày 22/3/2024 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng)**

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Lập HS	Thi công	
<b>A</b>	<b>CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHUYỂN TỬ NĂM 2023 QUA NĂM 2024</b>								
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>								
<b>1</b>	<b>Nhà máy nước</b>								
<b>1.1</b>	<b>NM Đankia</b>								
a	Sơn lại NMN Đankia	m2	2000	0,0002	0,400	0,400	QI	QII	
b	Thay vật liệu lọc cho 3 bể (1-3-5)	HM	1	0,550	0,550	0,550	QI	QII+QIII	
c	Tháo gỡ vách ngăn hồ thu của TB cấp 1	HM	1	0,05	0,050	0,050		QII	Chờ mực nước hồ xuống thấp
d	Sửa chữa van 1 chiều bơm C1 số 5	Cụm	1	0,15	0,150	0,150		QI	Đã khắc phục sửa chữa, đề nghị thay mới
<b>1.2</b>	<b>NM Hồ Than Thở</b>								
a	Sơn lại khu xử lý	HM	1	0,080	0,080	0,080	QI	QII	
b	Sửa chữa, chống thấm bể chứa bùn	m2	434	0,0002	0,087	0,087	QI	QII	
c	Bổ sung vật liệu lọc (cát lọc thạch anh)	m3	13	0,003	0,033	0,033		QI	Đã hoàn thành
<b>1.3</b>	<b>Trạm bơm Chiến Thắng</b>								
a	Lưới chắn rác hạng thu Inox 304	Cái	2	0,02	0,040	0,040		QII	Chờ mực nước hồ xuống thấp
<b>1.4</b>	<b>NM Phát Chi</b>								
a	Thay thế bơm cấp II	Bộ	2	0,16236	0,325	0,325		QI	Đã hoàn thành
<b>1.5</b>	<b>Trạm bơm tăng áp Hùng Vương</b>								
a	Thay van phao D300	cái	1	0,095	0,095	0,095		QI	Đã hoàn thành
<b>2</b>	<b>Mạng lưới Đà Lạt</b>								

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Lập HS	Thi công	
a	Cải tạo D63-32-25 HDPE Mai Xuân Thưởng	100m	5,49	0,025	0,138	0,138	QI	QII	
<b>II</b>	<b>NMN Đơn Dương</b>				<b>0,038</b>	<b>0,038</b>			
<b>1</b>	<b>Thị trấn D'Ran</b>				<b>0,038</b>	<b>0,038</b>			
a	Chống thấm cho công trình thu nước D'Ran	m2	150	0,00025	0,038	0,038		QII	Chờ nước suối cạn
<b>III</b>	<b>NMN LÂM HÀ</b>				<b>0,565</b>	<b>0,565</b>			
<b>1</b>	<b>Thị trấn Đinh Văn</b>				<b>0,466</b>	<b>0,466</b>			
a	Sơn sửa và chống thấm lại nhà điều hành	m2	256	0,0002	0,051	0,051	QII	QII	
b	Sửa chữa phòng hoá nghiệm	m2	20	0,002	0,040	0,040	QII	QII	
c	Cải tạo D40mm - Sernhac (Long Hương)	100m	3	0,03	0,090	0,090	QII	QII	
d	Cải tạo tuyến ống HDPE D63mm đường Lê Văn Tám (đoạn còn lại) - Đinh Văn	100m	2,50	0,030	0,075	0,075	QII	QII	
đ	Cải tạo D63mm hẻm Bà Nụ - Sơn Hà	100m	4	0,03	0,120	0,120	QII	QII	
e	Cải tạo D63mm hẻm K'Duyên - Đinh Văn	100m	3	0,03	0,090	0,090	QII	QII	
<b>2</b>	<b>Thị trấn Tân Hà</b>				<b>0,099</b>	<b>0,099</b>			
a	Chống thấm bể chứa bùn NM Tân Hà	m2	245,86	0,0002	0,049	0,049	QII	QII	
b	Sửa bể lọc Tân Hà	HM	1,00	0,050	0,050	0,050	QII	QII	
<b>IV</b>	<b>NMN Đam Rông</b>	<b>TK</b>			<b>0,177</b>	<b>0,177</b>			
a	Sơn hàng rào, nhà trạm	m2	1.770,00	0,000	0,177	0,177	QII	QIII	
<b>V</b>	<b>NMN BẢO LÂM</b>				<b>0,490</b>	<b>0,490</b>			
a	Sơn, sửa, nhà WC NĐH và các T.Bơm	HM	7	0,0700	0,490	0,490	QII	QIII	
<b>TỔNG HẠNG MỤC A</b>						<b>3,217</b>	<b>3,217</b>		
<b>B</b>	<b>CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH NĂM 2024</b>								
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT</b>								
<b>1</b>	<b>Nhà máy nước</b>								
<b>1.1</b>	<b>NM Đa Thiện</b>								
a	Thay vật liệu lọc	Bể	2	0,00254	0,005	0,005		QI	Đã hoàn thành
<b>1.2</b>	<b>NM Hồ Than Thở</b>								
a	Di dời tủ điều khiển nhà hóa chất về nhà lọc	HT	1	0,03	0,030	0,030		QII	Tủ đang bố trí gần hóa chất dễ bị ô xy hóa, hư hỏng
b	Lắp máy ép bùn	HM	1,00	0,605	0,605	0,605	QII	QIII	
<b>II</b>	<b>NMN ĐƠN DƯƠNG</b>								
					<b>0,397</b>	<b>0,397</b>			

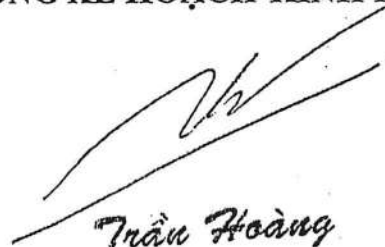
STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Lập HS	Thi công	
1	Thị trấn Thanh Mỹ				0,137	0,137			
a	Sơn sửa kiến trúc lại nhà trạm	m2	684	0,0002	0,137	0,137	QII	QII	Hiện trạng bị bong tróc, nứt và dột
2	Thị trấn D'ran				0,260	0,260			
a	Thay thế ống thép D200 qua cầu Dran	100m	1,2	0,1	0,120	0,120	QII	QIII	Ống đã rỉ sét nhiều vị trí
b	Thay thế ống thép D168 qua cầu Dran	100m	1,2	0,1	0,120	0,120	QII	QIII	Ống đã rỉ sét nhiều vị trí
c	Trang bị bơm tăng áp Clo tiền	Bộ	1	0,02	0,020	0,020	QII	QII	Hệ thống không hoạt động
III	NMN LÂM HÀ				0,050	0,050			
1	Thị trấn Tân Hà				0,050	0,050			
a	Sửa chữa kiến trúc nhà điều hành	Nhà	1	0,05	0,050	0,050	QII	QII	NĐH đã xuống cấp
IV	NMN BẢO LÂM				0,300	0,300			
a	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ điện từ + Cello)	cái	3,00	0,100	0,300	0,300	QII	QIII	
V	NMN ĐÀHUOAI				0,730	0,730			
1	Thị trấn Đa M'ri				0,226	0,226			
a	Sơn sửa lại nhà máy	m2	1132	0,0002	0,226	0,226	QII	QIII	Nhà trạm đã xuống cấp
2	Thị trấn Madaguôi				0,504	0,504			
a	D63-32 Hùng Vương (bên phải từ Lê Hồng Phong đi về hướng TP HCM)	100m	10	0,028	0,280	0,280	QII	QII	50 hộ dân mới có nhu cầu
b	D63-32 Hùng Vương (bên trái từ Lê Hồng Phong đi về hướng TP HCM)	100m	8	0,028	0,224	0,224	QII	QII	
VI	NMN ĐÀ TÈH				1,098	1,098			
a	Sơn sửa chống thấm vữa phòng nhà máy	m2	1850	0,0002	0,370	0,370	QII	QII	Khối nhà VP đã xuống cấp
b	D63 Phạm Ngọc Thạch bên trái từ bảy xị đến PCCC	100m	16	0,028	0,448	0,448	QII	QIII	120 hộ mới, 13 hộ cải tạo
c	D63 Nguyễn Tất Thành (Hai bên Từ 3/2 đến Phạm Ngọc Thạch)	100m	10	0,028	0,280	0,280	QII	QIII	140 hộ mới, 15 hộ cải tạo
<b>TỔNG HẠNG MỤC</b>					<b>3,215</b>	<b>3,215</b>			
C	<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THẮT THOÁT</b>								
I	THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT				1,965	1,965			

STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Lập HS	Thi công	
1	Lắp van giảm áp để kiểm soát áp lực	Cụm	5	0,050	0,250	0,250	QII	QII	
2	Sửa chữa, di dời cụm DMA	Cụm	5	0,050	0,250	0,250	QII	QII	
3	Đầu tăng nguồn cho 20 khu vực D63-32-25	100m	12	0,028	0,336	0,336	QII	QII-QIII	
4	Thay thế ống cho 30 đoạn ống D63-32-25	100m	30	0,028	0,840	0,840	QII	QII-QIV	
5	Lắp đồng hồ D15-25 theo dõi thất thoát	Cụm	3	0,01	0,030	0,030	QII	QII	
6	Cải tạo tuyến ống HDPE D140 đoạn từ trường TH Cầu Đất, xã Xuân Trường, thành phố Đà Lạt	100m	1,69	0,153	0,259	0,259	Có hồ sơ		Chờ Giấy phép thi công
<b>II</b>	<b>NMN ĐƠN DƯƠNG</b>				<b>0,440</b>	<b>0,440</b>			
<b>1</b>	<b>Thị trấn Thanh Mỹ</b>				<b>0,234</b>	<b>0,234</b>			
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát	100m	3	0,028	0,084	0,084	QII	QIII	
b	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ + Cello)	Cụm	3	0,05	0,150	0,150	QII	QIII	
<b>2</b>	<b>Thị trấn Đ'Ran</b>				<b>0,206</b>	<b>0,206</b>			
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát	100m	2	0,028	0,056	0,056	QII	QIII	
b	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ + Cello)	Cụm	3	0,05	0,150	0,150	QII	QIII	
<b>III</b>	<b>NMN LÂM HÀ</b>				<b>0,460</b>	<b>0,460</b>			
<b>1</b>	<b>Thị trấn Đình Văn</b>				<b>0,384</b>	<b>0,384</b>			
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát	100m	3	0,028	0,084	0,084	QII	QIII	Tiếp tục triển khai
b	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ + Cello)	Cụm	6	0,05	0,300	0,300	QII	QIII	
<b>2</b>	<b>Thị trấn Tân Hà</b>				<b>0,076</b>	<b>0,076</b>			
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát	100m	2	0,028	0,056	0,056	QII	QIII	Tiếp tục triển khai
b	Lắp đồng hồ D15-25 theo dõi thất thoát	Cụm	2	0,01	0,020	0,020	QII	QIII	
<b>IV</b>	<b>NMN BẢO LÂM</b>				<b>0,716</b>	<b>0,716</b>			
a	Cải tạo D40-32 Thôn 1 Xã Lộc Ngãi	100m	21	0,0136	0,286	0,286	Có hồ sơ	QII	
b	Cải tạo D63-25 HDPE chống thất thoát	100m	10	0,028	0,280	0,280	QII	QIII	
c	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ + Cello)	cái	3	0,05	0,150	0,150	QII	QIII	
<b>V</b>	<b>NMN ĐÀ HUOAI</b>				<b>0,198</b>	<b>0,198</b>			
<b>1</b>	<b>Thị trấn Đa M'ri</b>				<b>0,084</b>	<b>0,084</b>			
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát	100m	3	0,028	0,084	0,084	QII	QII-QIII	
<b>2</b>	<b>Thị trấn Mađaguoi</b>				<b>0,114</b>	<b>0,114</b>			
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát	100m	3	0,028	0,084	0,084	QII	QII-QIII	
b	Lắp đồng hồ D15-25 theo dõi thất thoát	Cụm	3	0,01	0,030	0,030	QII	QII-QIII	

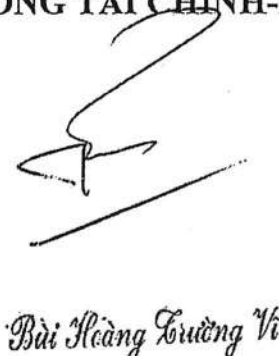
STT	Đơn vị/Hạng mục công trình	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Tỷ VNĐ)	Giá trị (Tỷ VNĐ)	Mức đầu tư (Tỷ VNĐ)	Tiến độ thực hiện		Ghi chú
							Lập HS	Thi công	
VI	NMN ĐÀ TÊH				0,264	0,264			
a	Cải tạo D63-25 chống thất thoát	100m	3	0,028	0,084	0,084	QII	QII-QIII	
b	Lắp đặt DMA D50 (Đồng hồ + Cello)	cái	3	0,05	0,150	0,150	QII	QII	
c	Trang bị bàn phòng họp dài 2m	Bộ	10	0,003	0,030	0,030	QII	QII	
<b>TỔNG HẠNG MỤC C</b>					<b>4,042</b>	<b>4,042</b>			
<b>TỔNG CỘNG (A+B+C)</b>					<b>10,475</b>	<b>10,475</b>			

(Bằng chữ: Mười tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng./.)

PHÒNG KẾ HOẠCH-KINH DOANH

  
Trần Hoàng

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN

  
Bùi Hoàng Cường

Đà Lạt, ngày 22 tháng 3 năm 2024.

TỔNG GIÁM ĐỐC



  
Nguyễn Hưng Cường

Nơi nhận:

- Hội đồng Quản trị Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Các Phòng chức năng Cty;
- Các Đơn vị TV;
- Lưu VT.





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,

thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 04 năm 2024

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 07

Về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024

- Căn cứ: - Luật Doanh nghiệp;  
- Luật Chứng khoán;  
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.  
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua: **việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024.**

Trên cơ sở xem xét hồ sơ năng lực về Độ uy tín, chất lượng dịch vụ kiểm toán; thời gian kiểm toán đảm bảo; đơn giá dịch vụ kiểm toán cạnh tranh; kinh nghiệm kiểm toán lĩnh vực ngành nước của các Công ty kiểm toán, Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng đề xuất các Công ty kiểm toán được chấp thuận hành nghề kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024 như sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC. Địa chỉ: Số 01, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

2. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế. Địa chỉ: Tầng 15 Tòa Nhà Center Building – Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội.

3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO – CN TP.HCM. Địa chỉ: Lầu 11, Tòa nhà HUD Building, Số 159 Điện Biên Phủ, P15, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông năm 2024 Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cấp Thoát Nước Lâm Đồng lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán nêu tại danh sách trên để kiểm toán cho Công ty năm tài chính 2024 theo đúng quy định của pháp luật .

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông./.



Nguyễn Thị Mỹ Vân



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,

thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
SỐ 08**

**Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thương niên 2024 xem xét và thông qua: Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023 với nội dung như sau:

**1. Phân phối lợi nhuận năm 2023:**

*Đvt: đồng*

Stt	Nội Dung	Số Tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 (LNST)	79.056.153.431
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023	79.056.153.431
	Trong đó:	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển	15.811.230.686
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20.730.392.751
	+ Quỹ khen thưởng (90%)	18.657.353.476
	+ Quỹ phúc lợi (10%)	2.073.039.275
2.3	Thù lao HĐQT và thành viên BKS	1.377.600.000
2.4	Trích thưởng HĐQT, BKS (TB+TV) và BDH	948.929.994
	+ Thưởng HĐQT, BKS (TB+TV)	494.646.661
	+ Thưởng BDH	454.283.333
2.5	Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức (2)-(2.1)-(2.2)-(2.3)-(2.4)	40.188.000.000
3	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%)=(2.5)/VĐL	5,10

(chi tiết xem phụ lục 8 đính kèm)



**2. Đề xuất mức chi trả cổ tức, thời điểm và hình thức chia cổ tức năm 2023**

- Đề xuất mức cổ tức chi trả năm 2023: 5,10% vốn điều lệ
- Thời gian chi trả cổ tức: Dự kiến trong tháng 07 năm 2024.
- Thực hiện việc chia cổ tức năm 2023 bằng tiền.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phan Đình Tân**





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,

thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 4 năm 2024

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 09

V/v: “thông qua Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS và tiền lương trưởng BKS năm 2023 và kế hoạch thực hiện năm 2024

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua: Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS và tiền lương trưởng BKS năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT và BKS và tiền lương trưởng BKS năm 2024 với nội dung như sau:

đvt: đồng

Stt	Chỉ Tiêu	Số người	Năm 2023			Kế hoạch 2024	So sánh KH 2024/TH 2023
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH/KH (%)		
I.	<b>TIỀN THÙ LAO</b>		1 377 600 000	1 377 600 000	100.00	1 377 600 000	100.00
1	<b>Hội Đồng Quản Trị</b>		1 152 000 000	1 152 000 000	100.00	1 152 000 000	100.00
	+ Chủ tịch	1	480 000 000	480 000 000	100.00	480 000 000	100.00
	+ Thành viên	4	672 000 000	672 000 000	100.00	672 000 000	100.00
2	<b>Thành viên Ban Kiểm Soát</b>	2	225 600 000	225 600 000	100.00	225 600 000	100.00
II.	<b>TIỀN LƯƠNG</b>		480 000 000	480 000 000	100.00	480 000 000	100.00
1	<b>Trưởng Ban kiểm soát</b>	1	480 000 000	480 000 000	100.00	480 000 000	100.00
	<b>Tổng (I)+(II)</b>		1 857 600 000	1 857 600 000	100.00	1 857 600 000	100.00

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CẤP THOÁT NƯỚC  
LÂM ĐỒNG

Phan Đình Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG  
Địa chỉ: 50 Hùng Vương, Phường 9,  
thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng  
MSDN: 5800000174

Thành phố Đà Lạt, ngày 22 tháng 4 năm 2024

## TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG SỐ 10

V/v xin thoái vốn tại các công ty liên kết

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua việc xin thoái vốn đầu tư tại các công ty liên kết với thông tin như sau:

I. Thông tin các Công ty liên kết:

1. Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh (“**DILIWACO**”):
  - Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh
  - Nơi thành lập và hoạt động: Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng
  - Hoạt động chính: Khai thác, kinh doanh nước sạch
  - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.576.660 CP
  - Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng
  - Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023: 134 đồng/1 cổ phần
  - Tỷ lệ lợi ích LAWACO hiện có: 37,01%
  - Tỷ lệ biểu quyết LAWACO đang nắm giữ: 37,01%
  - Cổ phần LAWACO đang nắm giữ (bao gồm cổ phiếu được chia từ cổ tức năm 2020 và 2023): 583.474 Cổ phần
  - Giá gốc : 5.658.526.204 đồng
2. Công ty CP Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng (“**DUCTRONGWACO**”):
  - Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Đức Trọng
  - Nơi thành lập và hoạt động: Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng

- Hoạt động chính: Khai thác, kinh doanh nước sạch
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.350.000 CP
- Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023: 1.000 đồng/1 cổ phần
- Tỷ lệ lợi ích LAWACO hiện có: 32,10%
- Tỷ lệ biểu quyết LAWACO đang nắm giữ: 32,10%
- Cổ phần LAWACO đang nắm giữ: 433.350 CP
- Giá gốc : 5.466.726.034 đồng

II Lý do: dự báo giá trị cổ phiếu các công ty này sẽ giảm sâu và khó phục hồi do cổ tức của các công ty này sẽ giảm khi đầu tư các dự án, cụ thể:

1. Hiệu quả các dự án đầu tư:

1.1 Tại DILIWACO: Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa KaLa không hiệu quả căn cứ Tờ trình số 8 do ban tổ chức DILIWACO trình ĐHĐCĐ của DILIWACO năm 2024 về việc xin tăng vốn để nâng cấp cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ, bổ sung vốn lưu động và xây dựng nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa KaLa là 40.000.000.000đồng và kêu gọi cổ đông đóng góp vốn theo tỷ lệ cổ phiếu đang nắm giữ; phần đóng góp vốn của LAWACO (nếu tham gia là:  $40.000.000.000\text{đồng} \times 37,01\% = 14.804.000.000\text{ đồng}$ ).

Căn cứ báo cáo kết luận đánh giá sơ bộ của Ban điều hành LAWACO về dự án nâng cấp mở rộng Hệ thống cấp nước của DILIWACO thì hiện giá ròng của dự án  $NPV < 0$  (có giá trị âm) và suất sinh lời nội bộ  $IRR = -2,14\%$ , do đó dự án đầu tư là không khả thi để thực hiện, ngoài ra theo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương thì nhu cầu và sự cấp thiết còn rất thấp so với quy mô dự kiến.

1.2 Tại DUCTRONGWACO: Dự án nhà máy xử lý nước sạch 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm tại khu công nghiệp Phú Hội - Đức Trọng: Ngày 29/02/2024 Hội đồng quản trị LAWACO có nhận được văn bản số 16/BC-CNĐT về việc “thực trạng cấp nước và xin chủ trương tiếp tục đầu tư nhà máy nước 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm trong khu công nghiệp” của DUCTRONGWACO với nội dung xem xét việc tiếp tục đầu tư nhà máy xử lý nước sạch 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm tại khu công nghiệp Phú Hội - Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng để cung cấp nước cho khách hàng trên địa bàn Thị trấn Liên Nghĩa, Khu công nghiệp Phú Hội và Xã Liên Hiệp thuộc huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng với chi phí dự kiến khoảng 50.000.000.000 đồng và kêu gọi cổ đông đóng góp vốn theo tỷ lệ cổ phiếu đang nắm giữ; phần đóng góp vốn của LAWACO (nếu tham gia là:  $50.000.000.000\text{đồng} \times 32,10\% = 16.050.000.000\text{ đồng}$ ), tuy nhiên văn bản có một số vấn đề nêu chưa rõ như:

a) Nhà máy dự kiến xây dựng là 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm hay 3.500m<sup>3</sup>/ngày đêm (vì tại điểm 1 và điểm 3 thuộc Khoản 6 của văn bản có ghi nhà máy có công suất 5.000m<sup>3</sup>/ngày đêm nhưng tại điểm 2 của Khoản 6 lại ghi nhà máy có công suất 3.500m<sup>3</sup>/ngày đêm và các thủ tục pháp lý đã được triển khai cho nhà máy có công suất 3.500m<sup>3</sup>/ngày đêm. Vì vậy chi phí dự kiến khoảng 50.000.000.000 đồng là chi phí xây



*Handwritten signature*

dụng cho nhà máy có công suất nào? Giá trị này tính ở thời điểm nào, hiện nay còn hiệu lực không?

b) Nguồn vốn sử dụng cho dự án chưa được nêu tại văn bản.

c) Chưa có số liệu để đánh giá về dự án để xác định hiệu quả mang lại của dự án nhằm một mặt đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp đủ nước sạch cho khách hàng mặt khác doanh nghiệp cũng cần được phát triển bền vững và hiệu quả ngày càng nâng cao; sự hài hòa lợi ích của cổ đông với đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động...

2. Cổ tức hằng năm:

2.1 Tại DILIWACO có khuynh hướng giảm dần và sẽ rất thấp ở những năm tiếp theo sau khi DILIWACO thực hiện việc đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước mặt tại hồ chứa KaLa (dự kiến năm 2024):

2018	2019	2020	2021	2022	2023
3,34%	5,50%	6,79%	7,08%	5,25%	1,34%

2.2 Tại DUCTRONGWACO mức cổ tức khá tốt tuy nhiên khi đầu tư nhà máy xử lý nước tại khu công nghiệp Phú Hội - Đức Trọng (dự kiến thực hiện năm 2024) có giá trị đầu tư đến 50 tỷ /42 tỷ vốn điều lệ sẽ làm giá trị cổ tức giảm sâu khó phục hồi.

2018	2019	2020	2021	2022	2023
9%	9%	9%	10%	10%	10%

III. Giá trị phân vốn thu được: Nếu thoái vốn ở hai công ty trên thì LAWACO sẽ thu được vốn đã góp và không đầu tư vào các dự án mới tại hai công ty liên kết, số tiền là:

TT	Tên công ty	Vốn đang sở hữu tính theo giá gốc	Vốn dự kiến đầu tư vào các dự án	Tổng
1	DILIWACO	5 658 526 204	14 804 000 000	20 462 526 204
2	DUCTRONGWACO	5 466 726 034	16 050 000 000	21 516 726 034
	Cộng	11 125 252 238	30 854 000 000	41 979 252 238

1. Mục đích: Tận dụng vốn thu hồi trên kết hợp với vốn lưu động sẵn có để đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước giải quyết tình trạng thiếu nước ở nhiều địa phương thuộc vùng cấp nước LAWACO phụ trách vì từ tháng 02/2024 thành phố Đà Lạt, huyện Đa Huoai, Huyện Bảo Lâm... bị thiếu nước trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024, do nguồn nước bị cạn kiệt, hệ thống phân phối bị quá tải... riêng tại thành phố Đà Lạt mặc dù công suất dự phòng gần 20% tuy nhiên không đủ bù đắp cho nhu cầu sử dụng nước do Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm thanh lý hợp đồng mua bán nước vào ngày 30/6/2023 khi việc yêu cầu tăng giá từ 6.191 đồng/m<sup>3</sup> lên đến 16.542,93 đồng/m<sup>3</sup> sau đó giảm xuống còn 9.000 đồng/m<sup>3</sup> (tăng 45% so với giá đang ký kết) không được LAWACO đáp ứng.

0174 -  
TY  
IẢN  
T NƯỚC  
ÔNG  
LÂM F

*nhu*

Vì vậy để bảo đảm an toàn cấp nước ngoài việc đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, tại thành phố Đà Lạt phải nhanh chóng cấp nước từ phía nam thành phố bằng nguồn cấp từ Công ty Cấp nước Tuyên Lâm và phía bắc thành phố Đà Lạt từ nguồn cấp của nhà máy nước Đan kia 1 của LAWACO.

Để bảo đảm chi phí thực hiện dự kiến triển khai ưu tiên các vấn đề theo thứ tự sau:

a) Ưu tiên xúc tiến đàm phán mua nước của Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm;

b) Nếu không thực hiện được nội dung (a) sẽ đàm phán mua lại nhà máy xử lý nước Tuyên Lâm của Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm do công ty này vừa có thông báo ngày 21/3/2024 về việc “ bán một phần hay toàn phần cổ phần Công ty cổ phần Cấp nước Tuyên Lâm;

c) Nếu không thực hiện được nội dung (a) và (b) sẽ thực hiện việc đầu tư thêm một đường ống chuyên tải từ Nhà máy Đan kia 1 về Đà Lạt; nâng công suất Nhà máy Đan kia 1 (từ 25.000 m<sup>3</sup>/ngđ lên 49.000 m<sup>3</sup>/ngđ) với tổng vốn (khái toán) đầu tư là: 134.000.000.000 đồng, phân kì đầu tư như sau:

+ Giai đoạn 1:	73 878 281 785	đồng
+ Giai đoạn 2:	60 376 887 282	đồng

Với cơ sở đó Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét và thông qua việc xin thoái vốn đầu tư tại DILIWACO và DUCTRONGWACO và thực hiện các vấn đề đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước theo thứ tự ưu tiên trên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phan Đình Tân**

C. P. D. N.